

**BÁO CÁO**

**Đánh giá bổ sung kết quả thực hiện NSNN năm 2021;  
tình hình thực hiện nhiệm vụ thu, chi NSNN 06 tháng đầu năm,  
phương hướng nhiệm vụ 06 tháng cuối năm 2022**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông

**PHẦN THỨ NHẤT  
KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THU, CHI NSNN NĂM 2021**

Tại Kỳ họp thứ 3, Khóa IV của Hội đồng nhân dân tỉnh, trên cơ sở số liệu thu, chi ngân sách thực hiện đến hết tháng 10 năm 2021, Ủy ban nhân dân tỉnh đã có Báo cáo số 857/BC-UBND ngày 11/12/2021 ước kết quả thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước năm 2021. Căn cứ kết quả thực hiện nhiệm vụ thu, chi năm 2021 (số liệu đến hết ngày 31/5/2022), Ủy ban nhân dân tỉnh xin báo cáo cập nhật số liệu và đánh giá bổ sung về kết quả thực hiện thu, chi NSNN năm 2021, cụ thể như sau:

**I. Về thu ngân sách nhà nước (NSNN) trên địa bàn**

**1. Nhiệm vụ thu NSNN trên địa bàn năm 2021**

- Trung ương giao dự toán thu NSNN trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2021 là 2.345 tỷ đồng, gồm: thu nội địa 2.235 tỷ đồng (trong đó thu tiền sử dụng đất 375 tỷ đồng); thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu 110 tỷ đồng (nguồn thu này do Tổng Cục Hải quan - Bộ Tài chính xây dựng và giao thu trên từng địa bàn).

- Tại Nghị quyết số 115/NQ-HĐND ngày 11/12/2020 của HĐND tỉnh Đắk Nông giao dự toán thu NSNN trên địa bàn năm 2021 là 2.750 tỷ đồng, gồm: thu nội địa 2.640 tỷ đồng (trong đó thu tiền sử dụng đất 450 tỷ đồng), tăng 18,5% so với dự toán Trung ương giao; thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu 110 tỷ đồng, bằng dự toán Trung ương giao.

**2. Kết quả thực hiện năm 2021**

Tổng thu NSNN trên địa bàn tỉnh năm 2021 là 3.517 tỷ đồng, đạt 150% dự toán Trung ương, đạt 128% dự toán địa phương và tăng 38% so với thực hiện năm 2020 (chi tiết tại Biểu số 01 đính kèm), gồm:

- Thu nội địa 2.894 tỷ đồng, đạt 130% dự toán Trung ương, đạt 110% dự toán địa phương và tăng 20% so với thực hiện năm 2020. Trong đó:

+ Có 09 lĩnh vực, khoản thu đạt và vượt dự toán địa phương giao, gồm: Khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đạt 192% dự toán (tăng cao do

số thu thuế TNDN từ Công ty Greenfarm Asia, Công ty CP chăn nuôi CP, Công ty TNHH Olam và phát sinh các nguồn thu từ hoạt động điện gió tại địa bàn huyện Đắc Song như Công ty TNHH SunGrow Power, Công ty TNHH Tư vấn công trình điện lực Sơn Đông, Công ty TNHH viện thiết kế điện lực Hoa Bắc, công trình nhà máy điện gió Đắc N'Drung 3); Khu vực kinh tế ngoài quốc doanh đạt 110% dự toán (đóng góp từ các khoản thu lớn và ổn định của Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Trung, Công ty Thủy điện VRG, Công TNHH N&S, Công ty cây xanh Tây Nguyên và một số khoản thu đột biến từ các doanh nghiệp khác); Lệ phí trước bạ đạt 172% dự toán; Thuế thu nhập cá nhân đạt 202% dự toán (do hoạt động chuyển nhượng, cho tặng, thừa kế tài sản là bất động sản tăng đột biến); Tiền sử dụng đất đạt 115% dự toán; Xổ số kiến thiết đạt 105% dự toán; Cấp quyền khai thác khoáng sản đạt 197% dự toán; Thu khác đạt 110% dự toán.

+ Có 05 lĩnh vực, khoản thu không đạt dự toán địa phương giao, gồm: Khu vực DNNN do Trung ương quản lý đạt 87% dự toán; Khu vực DNNN do địa phương quản lý đạt 91%; Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước đạt 70% dự toán; Thuế bảo vệ môi trường đạt 98% dự toán; Phí, lệ phí đạt 97% dự toán.

- Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu 608 tỷ đồng, đạt 553% dự toán và tăng 5,2 lần so với thực hiện năm 2020.

- Thu các khoản huy động đóng góp 15 tỷ đồng.

Nhìn chung, thu NSNN trên địa bàn năm 2021 vượt kế hoạch đề ra và tăng so với số thực hiện năm trước. Tuy nhiên, các khoản thu từ đất mà ngân sách tỉnh hưởng thì không đạt dự toán do tiến độ triển khai của một số dự án chưa theo kế hoạch đề ra (Khu Nhà ở công vụ, Thông Xanh, Sân vận động trung tâm tỉnh,...); thu ngân sách có tăng nhưng chưa thật sự bền vững và chủ yếu xuất phát từ các khoản thu phát sinh đột biến của một số doanh nghiệp, cá nhân. Theo báo cáo của Cục Hải quan Đắc Lắc, tăng thu lớn do công tác đẩy mạnh thông quan các mặt hàng chủ lực của tỉnh làm tăng kim ngạch xuất khẩu, đặc biệt là sản phẩm Alumin; đồng thời, chủ đầu tư các dự án năng lượng tái tạo trên địa bàn như Dự án Điện gió Đắc N'Drung 1, 2, 3, Dự án điện gió Đắc Hòa, Dự án điện gió Nam Bình,... tập trung nguồn lực triển khai và nhập khẩu máy móc thiết bị, làm tăng nguồn thu nhập khẩu.

*\* Thu NSNN trên địa bàn năm 2021 cao hơn số ước thực hiện năm 2021 (cao hơn ở tất cả các lĩnh vực, các khoản thu) đã trình bày tại Báo cáo số 857/BC-UBND ngày 11/12/2021 của UBND tỉnh là khoảng 557 tỷ đồng. Nguyên nhân: (1) những tháng cuối năm 2021, tình hình thực hiện nhiệm vụ thu NSNN khởi sắc hơn so với dự báo, do dịch Covid-19 đã được kiểm soát cơ bản; (2) các cấp, các ngành đã triển khai kịp thời ý kiến chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền về hỗ trợ doanh nghiệp, tháo gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh; tổ chức lại và phục hồi nhanh các hoạt động kinh tế, bù đắp, giảm thiểu các thiệt hại do dịch Covid-19 gây ra.*

### 3. Tình hình nợ đọng thuế

Tổng số tiền nợ thuế tính đến thời điểm 31/12/2021 là 135 tỷ đồng, giảm 14,966 tỷ đồng tương ứng giảm 10% so với thời điểm 31/12/2020, chiếm 4,7% tổng thu nội địa năm 2021. Trong đó, nhóm nợ thuế của người nộp thuế đã chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự, liên quan đến trách nhiệm hình sự, đã tự giải thể, phá sản, ngừng, nghỉ và bỏ địa chỉ kinh doanh, tiền nợ thuế đã áp dụng hết các biện pháp cưỡng chế nợ thuế (nhóm nợ khó thu) là 25,107 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 18,6% tổng số tiền nợ thuế; nhóm nợ có khả năng thu là 109,7 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 81,4% tổng tiền nợ thuế.

## II. Thu ngân sách địa phương (NSDP)

1. Tổng thu NSDP năm 2021 là 9.861 tỷ đồng. Trong đó:

- Thu ngân sách được hưởng của các cấp ngân sách địa phương theo quy định về phân cấp nguồn thu và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách giai đoạn 2017-2021 là 2.808 tỷ đồng (đã bao gồm: thu kết dư ngân sách là 180 tỷ đồng và thu huy động đóng góp là 15 tỷ đồng), tăng 746 tỷ đồng so với dự toán được trung ương giao và tăng 365 tỷ đồng so với dự toán HĐND tỉnh giao. Theo đó, thu ngân sách cấp tỉnh được hưởng là 1.565 tỷ đồng và thu ngân sách các huyện, thành phố được hưởng là 1.243 tỷ đồng.

- Thu chuyển nguồn là 2.247 tỷ đồng.

- Thu bổ sung từ ngân sách trung ương 4.602 tỷ đồng, tăng 97,528 tỷ đồng so với dự toán giao đầu năm.

- Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên 204 tỷ đồng.

2. Căn cứ tình hình thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách năm 2021; các quy định, hướng dẫn hiện hành của cơ quan có thẩm quyền; để đảm bảo cân đối ngân sách tỉnh, UBND tỉnh đã trình Thường trực HĐND tỉnh phương án xử lý các khoản tăng/giảm thu so với dự toán được giao của ngân sách tỉnh năm 2021 (Thường trực HĐND tỉnh đã có ý kiến tại Thông báo số 03/TB-HĐND ngày 21/02/2022), cụ thể như sau:

- Thu ngân sách cấp tỉnh được hưởng là 1.564,575 tỷ đồng, hụt 102,403 tỷ đồng so với dự toán HĐND tỉnh giao.

- Các nhiệm vụ chi được bố trí gắn với nguồn thu và tiến độ thu của ngân sách tỉnh năm 2021:

+ Dự toán thu tiền sử dụng đất năm 2021 là 130 tỷ đồng, thực hiện năm 2021 là 62,941 tỷ đồng, hụt thu là 67,059 tỷ đồng; giải ngân cho các nhiệm vụ được bố trí dự toán từ nguồn thu tiền sử dụng đất của ngân sách tỉnh năm 2021 (theo kế hoạch vốn đã điều chỉnh) là 55,3 tỷ đồng; số thu tiền sử dụng đất năm 2021 chưa sử dụng của ngân sách tỉnh là 7,641 tỷ đồng.

+ Dự toán thu từ hoạt động xổ số kiến thiết năm 2021 là 23 tỷ đồng, thực hiện năm 2021 là 24,163 tỷ đồng, theo đó số thu từ hoạt động xổ số kiến thiết năm 2021 chưa sử dụng của ngân sách tỉnh là 1,163 tỷ đồng.

+ Theo đó, đối với 7,641 tỷ đồng nguồn thu tiền sử dụng đất và 1,163 tỷ đồng nguồn thu từ hoạt động xổ số kiến thiết năm 2021 chưa sử dụng của ngân sách tỉnh nêu trên, thực hiện chuyển nguồn sang năm 2022 theo quy định và sử dụng để: khen thưởng cho 07 xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2022 với tổng số tiền 3,5 tỷ đồng (do năm 2020 ngân sách tỉnh hụt thu nên không có kinh phí để thực hiện); thưởng công trình phúc lợi cho xã Nam Đà, huyện Krông Nô vì được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới là 01 tỷ đồng; bố trí thanh toán nợ khối lượng hoàn thành của công trình Sửa chữa Trung tâm Văn hóa tỉnh Đắk Nông, hạng mục Khối quản lý và học nghiệp vụ, khối câu lạc bộ, triển lãm, công, tường rào, điện ngoài nhà là 1,004 tỷ đồng; hỗ trợ thành phố Gia Nghĩa thanh toán nợ khối lượng cho công trình “Nâng cấp vỉa hè, hệ thống chiếu sáng công cộng Khu tái định cư 23ha” là 3,3 tỷ đồng.

- Nếu loại trừ hụt thu tiền sử dụng đất là 67,059 tỷ đồng và tăng thu từ hoạt động xổ số kiến thiết là 1,163 tỷ đồng thì ngân sách tỉnh còn hụt thu 36,507 tỷ đồng.

+ Trong dự toán năm 2021, nhiệm vụ trích lập tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương của địa phương được xác định là 248,035 tỷ đồng, tại ngân sách tỉnh; với số liệu thực hiện thu ngân sách địa phương năm 2021, ngân sách các cấp địa phương phải trích lập 70% số tăng thu so với dự toán cấp trên giao năm 2021 (không bao gồm các khoản thu được gắn với nhiệm vụ chi cụ thể như: thu tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết, thu huy động đóng góp,...) để tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương theo quy định là 394,288 tỷ đồng, gồm: ngân sách huyện là 218,634 tỷ đồng và ngân sách cấp tỉnh là 175,654 tỷ đồng; như vậy, ngân sách tỉnh đã bố trí nhiệm vụ chi tạo nguồn thực hiện CCTL trong dự toán đầu năm 2021 cao hơn số phải trích theo số liệu thực tế thu năm 2021 là 72,381 tỷ đồng (248,035 tỷ đồng - 175,654 tỷ đồng).

+ Đó đó, sẽ thực hiện: (1) Giảm dự toán của nhiệm vụ chi tạo nguồn điều chỉnh tiền lương năm 2021 của ngân sách tỉnh là 36,507 tỷ đồng (tương ứng với số hụt thu của ngân sách tỉnh); (2) Đối với 35,874 tỷ đồng (72,381 tỷ đồng - 36,507 tỷ đồng) chi tạo nguồn điều chỉnh tiền lương năm 2021 của ngân sách tỉnh trích cao hơn quy định, thực hiện hoàn trả nguồn CCTL đã mượn sử dụng cho việc giải phóng mặt bằng Khu công nghiệp Nhân Cơ theo đề nghị của Bộ Tài chính, kết luận của Thanh tra Bộ Tài chính.

### **III. Về chi ngân sách địa phương (NSDP)**

1. Tổng dự toán chi NSDP năm 2021 là 7.064 tỷ đồng, trong đó:

- Chi đầu tư phát triển là 2.029 tỷ đồng, gồm: chi đầu tư phát triển từ nguồn cân đối NSDP 1.027 tỷ đồng; chi đầu tư phát triển từ nguồn bổ sung có mục tiêu của ngân sách trung ương là 1.002 tỷ đồng.

- Chi thường xuyên 4.673 tỷ đồng, gồm: chi thường xuyên từ cân đối NSDP là 4.463 tỷ đồng; chi thực hiện các chế độ, chính sách từ nguồn bổ sung có mục tiêu của ngân sách trung ương là 210 tỷ đồng.

- Chi trả lãi các khoản do chính quyền địa phương vay là 1,3 tỷ đồng; chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính 01 tỷ đồng.

- Dự phòng ngân sách 111,8 tỷ đồng; chi tạo nguồn điều chỉnh tiền lương 248 tỷ đồng.

2. Chi NSDP năm 2021 thực hiện là 9.910 tỷ đồng (*số liệu còn thay đổi do địa phương đang trong giai đoạn tổng hợp quyết toán NSDP, nội dung đánh giá chi tiết UBND tỉnh sẽ báo cáo HĐND tỉnh tại Kỳ họp cuối năm 2022 tại Báo cáo quyết toán NSDP năm 2021*), trong đó:

- Chi đầu tư phát triển là 2.215 tỷ đồng, tăng 9,2 % so với dự toán giao đầu năm 2021, chủ yếu do nhiệm vụ chi năm 2020 chuyển nguồn sang.

- Chi thường xuyên là 4.790 tỷ đồng, tăng 2,5 % so với dự toán giao đầu năm 2021, chủ yếu do tăng chi phòng, chống dịch bệnh từ nguồn trung ương hỗ trợ có mục tiêu và dự phòng ngân sách các cấp.

- Chi trả nợ lãi chính quyền địa phương 1,3 tỷ đồng; chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính 01 tỷ đồng;

- Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương 394 tỷ đồng.

- Chi nộp trả ngân sách trung ương 248 tỷ đồng.

- Chi chuyển nguồn sang năm sau 2.246 tỷ đồng.

- Chi từ nguồn thu huy động đóng góp 15 tỷ đồng.

*(Chi tiết tại Biểu số 02 đính kèm).*

Nhìn chung, chi NSDP được phân bổ đảm bảo thời gian theo quy định; kiểm soát chặt chẽ các khoản chi thường xuyên; đáp ứng kịp thời cho các nhiệm vụ an ninh - quốc phòng, an sinh xã hội của địa phương, đặc biệt thực hiện nghiêm việc tiết kiệm thêm 10% và cắt giảm các khoản chi chưa thực sự cần thiết để đáp ứng nhu cầu kinh phí thực hiện phòng, chống và hỗ trợ các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19. Kết quả giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021 đạt 97%, cơ bản đảm bảo theo chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 63/NQ-CP ngày 29/6/2021 (phần đầu tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư NSNN năm 2021 đạt 95-100%). Tuy nhiên, một số chủ đầu tư chưa rà soát kỹ tình hình thực hiện và giải ngân, do đó việc đề xuất điều chỉnh giảm kế hoạch vốn chưa sát với nhu cầu thực tế dẫn đến cuối niên độ vẫn còn dư kế hoạch vốn được giao; việc thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng của UBND các huyện, thành phố chưa thực sự quyết liệt, chưa chủ động dẫn đến nhiều dự án (kể cả một số dự án chuyển tiếp) còn nhiều vướng mắc, chậm bàn giao mặt bằng cho đơn vị thi công...

#### **IV. Tình hình vay, trả nợ vay của chính quyền địa phương năm 2021**

##### **1. Tình hình vay, trả nợ vay năm 2021**

- Tổng mức vay theo kế hoạch năm 2021 là 106,8 tỷ đồng, từ nguồn vốn Chính phủ vay nước ngoài về cho địa phương vay lại. Thực hiện vay trong năm 2021 là 49,455 tỷ đồng, đạt 46% kế hoạch đề ra, gồm: Dự án Hỗ trợ phát triển

khu vực biên giới tỉnh Đắk Nông 37,477 tỷ đồng; Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh nước sạch nông thôn dựa trên kết quả vay vốn ngân hàng thế giới 2,51 tỷ đồng; Dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập 7,492 tỷ đồng và Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nước cho các tỉnh bị ảnh hưởng bởi hạn hán 1,976 tỷ đồng. Vay không đạt kế hoạch, do năm 2021 đại dịch Covid -19 đã tác động không nhỏ đến các dự án sử dụng nguồn vốn Chính phủ vay nước ngoài về cho địa phương vay lại nói riêng và các dự án ODA nói chung từ khâu nhân công, mua sắm thiết bị, máy móc thực hiện dự án... cũng như thời gian nhận ý kiến của nhà tài trợ về hồ sơ rút vốn, hồ sơ tạm ứng, thanh toán tạm ứng bị kéo dài. Bên cạnh những nguyên nhân khách quan kể trên, còn có một số nguyên nhân chủ quan khác như việc chậm hoàn thành các thủ tục điều chỉnh chủ trương đầu tư, điều chỉnh dự án, điều chỉnh Hiệp định/thỏa thuận vay.

- Tổng dư nợ đầu năm 2021 là 50,584 tỷ đồng (từ nguồn vốn Chính phủ vay nước ngoài về cho địa phương vay lại). Với số liệu thực hiện vay như trên, tổng dư nợ cuối năm 2021 sẽ là 100.039 tỷ đồng, gồm: Dự án Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới tỉnh Đắk Nông 55,074 tỷ đồng; Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh nước sạch nông thôn dựa trên kết quả vay vốn Ngân hàng thế giới 13,131 tỷ đồng; Dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập 29,858 tỷ đồng; Dự án Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nước cho các tỉnh bị ảnh hưởng bởi hạn hán 1,976 tỷ đồng.

2. Tổng số lãi, phí đã trả là 1,3 tỷ đồng, gồm: Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh nước sạch nông thôn dựa trên kết quả vay vốn ngân hàng thế giới 0,344 tỷ đồng; Dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập 0,956 tỷ đồng.

## **V. Một số nội dung khác về thực hiện nhiệm vụ NSNN năm 2021**

### **1. Tình hình quản lý, sử dụng Quỹ dự trữ tài chính**

- Số dư đầu năm 2021 của Quỹ dự trữ tài chính là 263,735 tỷ đồng.

- Tổng phát sinh tăng trong năm 2021 là 21,024 tỷ đồng, gồm: bổ sung theo dự toán đầu năm đã bố trí là 01 tỷ đồng, lãi phát sinh năm 2021 là 1,968 tỷ đồng, trích từ 50% kết dư ngân sách tỉnh năm 2020 là 13,966 tỷ đồng, ngân sách bố trí hoàn trả Quỹ số kinh phí đã tạm sử dụng trong năm 2020 để chi trả chế độ theo Nghị quyết số 42/NQ-CP là 4,09 tỷ đồng.

*Trong năm 2021, UBND tỉnh đã tạm ứng 89,134 tỷ đồng từ Quỹ dự trữ tài chính để chi phòng, chống dịch và hỗ trợ các đối tượng khó khăn do đại dịch Covid-19. Theo đó, UBND tỉnh đã tiến hành rà soát, sắp xếp lại các nhiệm vụ chi của các đơn vị dự toán, của ngân sách tỉnh để cắt giảm, điều chỉnh và căn cứ số kinh phí trung ương hỗ trợ phòng, chống dịch để thực hiện hoàn trả kịp thời trong năm 2021 cho Quỹ (Thường trực HĐND tỉnh đã thống nhất với phương án hoàn trả tại Thông báo số 29/TB-HĐND ngày 03/8/2021 và Thông báo số 02/TB-HĐND ngày 18/01/2022).*

- Số dư Quỹ dự trữ tài chính năm 2021 là 284,759 tỷ đồng.

2. Đối với kinh phí Trung ương bổ sung có mục tiêu phát sinh trong năm là 142,692 tỷ đồng. Thực hiện phân bổ trong niên độ ngân sách năm 2021 cho

các đơn vị 100,709 tỷ đồng, tương ứng 71% số bổ sung có mục tiêu. Chuyển nguồn sang năm 2022 để tiếp tục thực hiện đối với các khoản bổ sung sau 30/9 là 38,547 tỷ đồng. Còn lại 3,436 tỷ đồng, kinh phí bảo vệ và phát triển rừng năm 2021, thực hiện hoàn trả ngân sách trung ương (phần nhiệm vụ chi thường xuyên bố trí trong Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016-2020, chỉ thực hiện phân bổ đạt 30% dự toán giao do đã hết đối tượng thụ hưởng theo quy định), UBND tỉnh đã báo cáo và xin ý kiến Bộ Tài chính để điều chỉnh cho các nhiệm vụ của Nhà nước về lâm nghiệp, tuy nhiên Bộ Tài chính không đồng ý và đề nghị hoàn trả ngân sách trung ương (phần không sử dụng hết) theo quy định và không sử dụng cho mục đích khác tại Công văn số 11180/BTC-NSNN ngày 29/9/2021.

*(Chi tiết tại Biểu số 03 kèm theo Báo cáo này)*

3. Ngân sách tỉnh đã bổ sung có mục tiêu cho các huyện, thành phố tăng so với dự toán đầu năm 2021 là 213,945 tỷ đồng, gồm:

- Chi đầu tư phát triển là 33,919 tỷ đồng;
- Chi thực hiện các chế độ, chính sách do Trung ương và địa phương ban hành trong giai đoạn ổn định ngân sách 2017-2021 là 31,620 tỷ đồng;
- Chi phòng chống thiên, tai dịch bệnh và hỗ trợ các đối tượng khó khăn do dịch Covid-19 là 87,503 tỷ đồng;
- Hỗ trợ để thực hiện các nhiệm vụ theo yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và khả năng ngân sách tỉnh là 60,903 tỷ đồng;

Các huyện, thành phố đã phân bổ và kết hợp với nguồn lực của địa phương để chủ động tổ chức triển khai thực hiện theo đúng mục tiêu, nhiệm vụ. Theo quy định, kết thúc năm ngân sách, có báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện theo đúng chế độ quy định, gửi cơ quan tài chính tổng hợp, thẩm định (cùng với thẩm định quyết toán năm) để xác định kinh phí thừa/thiếu và có phương án xử lý. Trường hợp sử dụng không hết, các huyện, thành phố sẽ hoàn trả ngân sách cấp trên.

*(Chi tiết tại Biểu số 04 kèm theo Báo cáo này)*

4. Chi chuyển nguồn năm 2021 sang năm 2022 của ngân sách cấp tỉnh là 1.420 tỷ đồng, bao gồm: Vốn đầu tư 693 tỷ đồng (số dư tạm ứng 688 tỷ đồng); chi thường xuyên 30 tỷ đồng (trong đó số dư tạm ứng 14 tỷ đồng); nguồn thực hiện cải cách tiền lương chưa sử dụng hết là 659 tỷ đồng; nguồn ngân sách Trung ương bổ sung cho ngân sách địa phương sau ngày 30/9 mà chưa phân bổ cho đơn vị là 39 tỷ đồng *(chi tiết tại Biểu số 05 kèm theo Báo cáo này)*.

5. Đánh giá kết quả thực hiện một số giải pháp đã đề ra nhằm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ NSNN năm 2021

- Các ngành, cấp đã triển khai đồng bộ và quyết liệt các giải pháp đã đề ra. Kết quả, thu ngân sách nhà nước trên địa bàn vượt dự toán được giao, tuy nhiên thu nội địa không đạt dự toán, đặc biệt là thu tiền sử dụng đất và tiền thuê đất do ngân sách tỉnh hưởng đạt rất thấp. Nguyên nhân, do thời tiết hạn hán và diễn biến dịch bệnh phức tạp, kéo dài.

- Cơ bản các cơ quan, đơn vị và các cấp ngân sách quản lý, tổ chức điều hành ngân sách chặt chẽ, tiết kiệm, đúng quy định. Đã chủ động nguồn lực và giải quyết kịp thời các nhiệm vụ cấp bách phát sinh trong công tác điều hành ngân sách năm 2021, đặc biệt chi cho công tác phòng, chống dịch bệnh và thiên tai, hạn hán trên địa bàn tỉnh trong điều kiện ngân sách tỉnh hụt thu.

- Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công năm 2021 tăng so với cùng kỳ năm trước, đây là sự nỗ lực rất lớn của các ngành, các cấp và thể hiện hiệu quả của các giải pháp chỉ đạo, điều hành đã đề ra trong điều kiện dịch bệnh phải thực hiện giãn cách, cách ly.

- 100% đơn vị sự nghiệp đã được giao quyền tự chủ tài chính, trên cơ sở đó các đơn vị đã chủ động sử dụng các nguồn thu để phát triển và nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công và giảm chi hỗ trợ từ ngân sách nhà nước.

- Đối với kinh phí ngân sách cấp trên hỗ trợ có mục tiêu đã được phân bổ kịp thời để các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện đúng mục tiêu theo quy định.

## **PHẦN THỨ HAI**

### **TÌNH HÌNH THU - CHI NSNN 06 THÁNG ĐẦU NĂM, PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ 06 THÁNG CUỐI NĂM 2022**

Năm 2022 là năm thứ hai triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ 2020-2025 và thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2021-2025, đồng thời là năm đầu của thời kỳ ổn định NSNN mới, nên có ý nghĩa rất quan trọng trong việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội đã đề ra của cả giai đoạn.

Nhiệm vụ thu, chi NSNN năm 2022 được triển khai trong bối cảnh kinh tế trong nước nói chung và tỉnh Đắk Nông nói riêng gặp rất nhiều khó khăn, vừa chịu ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 vừa chịu tác động do tình hình chính trị thế giới diễn biến bất thường, tác động từ giá nhiên liệu (xăng, dầu, gas) và vật liệu xây dựng tăng cao. Với quyết tâm cao nhất, các ngành và các cấp đã nỗ lực phấn đấu, triển khai thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp nhằm phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ được giao, thể hiện trên một số mặt công tác chính như: thu NSNN trên địa bàn 06 tháng đầu năm 2022 đạt kết quả khả quan so với cùng kỳ năm trước, đa số các sắc thuế, lĩnh vực thu đều vượt tiến độ đề ra; chi NSDP được điều hành chủ động, đáp ứng các nhiệm vụ theo dự toán, yêu cầu về đảm bảo nhiệm vụ quốc phòng - an ninh và xử lý kịp thời nhu cầu an sinh xã hội. Kết quả thu, chi NSNN 06 tháng đầu năm 2022 của tỉnh Đắk Nông cụ thể như sau:

#### **I. Tình hình thu, chi NSNN 06 tháng đầu năm 2022**

##### **1. Thu NSNN trên địa bàn**

###### **1.1. Nhiệm vụ thu NSNN trên địa bàn năm 2022:**

- Trung ương giao dự toán thu NSNN trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2022 là 2.583 tỷ đồng, gồm: thu nội địa 2.420 tỷ đồng (trong đó thu tiền sử dụng



đất 380 tỷ đồng); thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu 163 tỷ đồng (nguồn thu này do Tổng Cục Hải quan - Bộ Tài chính xây dựng và giao thu trên từng địa bàn).

- Tại Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 15/12/2021, HĐND tỉnh Đắk Nông giao dự toán thu NSNN trên địa bàn năm 2022 là 3.000 tỷ đồng, gồm: thu nội địa 2.837 tỷ đồng (trong đó thu tiền sử dụng đất 650 tỷ đồng), tăng 16,1% so với dự toán Trung ương giao; thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu 110 tỷ đồng, bằng số dự toán Trung ương giao.

### 1.2. Thu NSNN trên địa bàn 06 tháng đầu năm 2022:

a) Tổng thu NSNN trên địa bàn ước thực hiện 06 tháng đầu năm 2022 là 1.936 tỷ đồng, đạt 75% dự toán Trung ương giao, đạt 65% dự toán địa phương quyết định và tăng 8% so với cùng kỳ năm trước (chi tiết tại Biểu số 01 đính kèm), trong đó:

- Thu nội địa là 1.847 tỷ đồng, đạt 76% dự toán Trung ương giao, đạt 65% dự toán địa phương quyết định và tăng 23% so với cùng kỳ năm trước. Kết quả cụ thể thực hiện của một số khoản thu, lĩnh vực thu có tỷ trọng lớn trong tổng thu nội địa như sau:

+ Khu vực doanh nghiệp nhà nước đạt 58% dự toán địa phương (đóng góp số thu lớn từ Chi nhánh Viettel Đắk Nông, Công ty thủy điện Đồng Nai, Chi nhánh xăng dầu Đắk Nông, Nhà máy Alumin Nhân Cơ...); Khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đạt 74% dự toán (đóng góp từ Công ty TNHH Olam Việt Nam, Công ty điện gió Quang Minh...);

+ Khu vực kinh tế ngoài quốc doanh đạt 49% dự toán (đóng góp chủ yếu vẫn từ các công ty thủy điện, bên cạnh đó là Công ty Tân Á Đại Thành, Công ty TNHH tinh bột sắn Đắk Nông, Công ty BOT Đức Long, Công ty cây xanh Tây Nguyên...);

+ Thuế bảo vệ môi trường đạt 62% dự toán;

+ Phí, lệ phí đạt 55% dự toán;

+ Lệ phí trước bạ đạt 112% dự toán;

+ Thuế thu nhập cá nhân đạt 156% dự toán (trong đó thu từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản chiếm khoảng 70% số thu thuế);

+ Tiền sử dụng đất đạt 69% dự toán (tuy nhiên tiền sử dụng đất cấp tỉnh chỉ đạt 34% dự toán);

+ Thu khác ngân sách đạt 45% dự toán.

Kết quả thực hiện nhiệm vụ thu NSNN trên địa bàn các huyện, thành phố: Có 06 huyện đạt và vượt tiến độ theo dự toán tỉnh giao, gồm Cư Jút, Đắk Song, Đắk R'Lấp, Đắk Glong, Tuy Đức, Đắk Mil; 02 huyện, thành phố còn lại thu chưa đạt tiến độ đề ra.

- Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu là 83 tỷ đồng, đạt 51% dự toán, giảm 29% so với cùng kỳ năm trước. Số thu chính là từ oxit nhôm, hydroxit nhôm; nông sản, nguyên liệu, máy móc thiết bị thay thế cho dây chuyền sản xuất, máy

móc thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp; số thu thấp hơn cùng kỳ năm trước do trong những tháng đầu năm, chưa phát sinh số thu NSNN từ các nguồn như máy móc, thiết bị nhập khẩu phục vụ các dự án đầu tư về năng lượng tái tạo như điện gió và từ gỗ nguyên liệu nhập khẩu (đã hết thời hạn nhận ưu đãi thuế quan nên chủ đầu tư các dự án trên địa bàn không tập trung nhập khẩu máy móc thiết bị như cùng kỳ năm trước).

- Tổng số tiền nợ thuế ước tính đến thời điểm ngày 30/6/2022 là 173 tỷ đồng, tăng 38 tỷ đồng, tương ứng tăng 28,1% so với thời điểm 31/12/2021 và chiếm 6,08 % tổng dự toán thu nội địa năm 2022. Trong đó: tiền nợ thuế có khả năng thu là 149 tỷ đồng, chiếm 86,1% tổng nợ thuế, tăng 38,8 tỷ đồng so với thời điểm ngày 31/12/2021. Nguyên nhân tăng tiền nợ thuế của nhóm này, chủ yếu là do người trúng đấu giá đất tại huyện Đắk Mil, Đắk Glong, Gia Nghĩa chưa thực hiện nộp tiền đúng hạn theo thông báo của cơ quan thuế, tiền thuế tháng 5 của một số nhà máy thủy điện có hạn nộp trước ngày 20/6/2022 nhưng chưa thực hiện kịp thời trước ngày 30/6/2022; tiền nợ thuế khó thu là 24 tỷ đồng, chiếm 13,9 % tổng tiền nợ thuế, giảm 1,107 tỷ đồng so với thời điểm ngày 31/12/2021.

### 1.3. Thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp:

Với số thu NSNN nêu trên thì thu NSDP được hưởng theo phân cấp ước thực hiện 06 tháng đầu năm 2022 là 1.685 tỷ đồng. Trong đó, ngân sách cấp tỉnh là 784 tỷ đồng, đạt 50,1% dự toán; ngân sách huyện là 901 tỷ đồng, đạt 84,2% dự toán tỉnh giao, chủ yếu do thu tiền sử dụng đất của các huyện, thành phố đã đạt 98% dự toán.

## 2. Chi ngân sách địa phương

2.1. Theo Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 15/12/2021 của HĐND tỉnh, tổng dự toán chi NSDP năm 2022 là 7.835 tỷ đồng, gồm:

- Chi đầu tư phát triển là 2.757 tỷ đồng, gồm: chi đầu tư phát triển từ nguồn cân đối NSDP 1.166 tỷ đồng; chi đầu tư phát triển từ nguồn bổ sung có mục tiêu của ngân sách trung ương là 1.591 tỷ đồng.

- Chi thường xuyên 4.842 tỷ đồng, gồm: chi thường xuyên từ cân đối NSDP là 4.781 tỷ đồng; chi thực hiện các chế độ, chính sách từ nguồn bổ sung có mục tiêu của ngân sách trung ương là 62 tỷ đồng.

- Chi trả lãi các khoản do chính quyền địa phương vay là 3,15 tỷ đồng; chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính 01 tỷ đồng.

- Dự phòng ngân sách 129 tỷ đồng; chi tạo nguồn điều chỉnh tiền lương 102 tỷ đồng.

2.2. Tổng chi NSDP ước thực hiện 06 tháng đầu năm 2021 là 3.924 tỷ đồng, tăng 18% so với cùng kỳ năm trước (*chi tiết tại Biểu số 02 đính kèm*), bao gồm:

- Chi đầu tư phát triển là 1.844 tỷ đồng, trong đó: Chi đầu tư cho giáo dục và đào tạo 121 tỷ đồng; Chi khoa học và công nghệ 07 tỷ đồng; Chi bảo vệ môi trường 29 tỷ đồng. Nếu loại trừ các khoản chi đầu tư từ số thu chuyển nguồn

năm 2021 sang thì chi đầu tư phát triển ước thực hiện 06 tháng đầu năm 2022 đạt 27% dự toán giao.

- Chi thường xuyên 2.072 tỷ đồng, đạt 43% dự toán, trong đó: Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề 874 tỷ đồng; Chi khoa học và công nghệ 12 tỷ đồng; Chi bảo vệ môi trường 05 tỷ đồng.

- Chi trả lãi các khoản do chính quyền địa phương vay là 1,6 tỷ đồng;

- Chi từ nguồn thu huy động đóng góp là 5,816 tỷ đồng.

\* Nhìn chung, chi NSDP 06 tháng đầu năm 2022 được phân bổ đảm bảo thời gian theo quy định; kiểm soát chặt chẽ các khoản chi thường xuyên; đáp ứng kịp thời cho các nhiệm vụ an ninh - quốc phòng, an sinh xã hội của địa phương, đặc biệt là công tác phòng, chống và hỗ trợ các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19. Tuy nhiên, giải ngân vốn đầu tư công còn thấp, chưa đảm bảo tiến độ. Nguyên nhân là do một số dự án đã được giao kế hoạch vốn nhưng do vướng mắc trong công tác tổ chức bồi thường hỗ trợ tái định cư, nên không có mặt bằng để bàn giao cho nhà thầu thi công; các chủ đầu tư, Ban quản lý dự án chưa quyết liệt đôn đốc nhà thầu đẩy nhanh tiến độ thi công các dự án để có khối lượng giải ngân vốn đối với nguồn vốn kéo dài (ước giải ngân 06 tháng đầu năm 2022 được 42% so với kế hoạch).

### 3. Một số nội dung điều hành ngân sách cấp tỉnh 06 tháng đầu năm 2022

a) Dự phòng ngân sách cấp tỉnh bố trí năm 2022 là 71,994 tỷ đồng; 06 tháng đầu năm đã sử dụng 20,6 tỷ đồng (gồm: hỗ trợ cho Cục Thuế tỉnh 0,6 tỷ đồng chi phí phục vụ công tác thu vượt dự toán năm 2021; 20 tỷ đồng cho Sở Y tế để chi trả các chế độ, chính sách cho các đối tượng theo quy định trong công tác phòng, chống Covid-19); còn lại chưa sử dụng 51,394 tỷ đồng.

b) Ngân sách tỉnh đã tạm sử dụng 82,016 tỷ đồng từ Quỹ dự trữ tài chính để bổ sung có mục tiêu cho các huyện, thành phố chi trả một số chế độ đặc thù trong phòng, chống dịch Covid-19 (Nghị quyết số 37/NQ-CP ngày 29/3/2020, Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 08/02/2021 và Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ), chi trả chế độ hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 (Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 và Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 08/10/2021 của Chính phủ), cụ thể: Thành phố Gia Nghĩa 9,485 tỷ đồng; Huyện Cư Jút 35,235 tỷ đồng; Huyện Krông Nô 2,665 tỷ đồng; Huyện Đắk Mil 22,582 tỷ đồng; Huyện Đắk Song 3,489 tỷ đồng; Huyện Đắk R'lấp 7,949 tỷ đồng; Huyện Tuy Đức 0,611 tỷ đồng. Trong năm, sau khi trung ương hỗ trợ và sắp xếp lại các nhiệm vụ chi UBND tỉnh sẽ tham mưu HĐND tỉnh (Thường trực HĐND tỉnh) nguồn kinh phí hoàn trả nguồn tạm mượn Quỹ dự trữ tài chính theo quy định.

c) Thường trực HĐND tỉnh đã thống nhất thực hiện phân bổ 35,969 tỷ đồng từ nhiệm vụ chi chưa giao chi tiết đơn vị sử dụng trong dự toán đầu năm 2022 của ngân sách tỉnh (kinh phí quản lý, bảo trì đường bộ Trung ương hỗ trợ năm 2022), cụ thể: Sở Giao thông vận tải 23,969 tỷ đồng và các huyện, thành

phổ 12 tỷ đồng (Thành phố Gia Nghĩa 05 tỷ đồng và các huyện 01 tỷ đồng/huyện).

## **II. Một số giải pháp triển khai nhiệm vụ ngân sách nhà nước 06 tháng cuối năm 2022**

Trong thời gian tới, UBND tỉnh sẽ yêu cầu các cấp, các ngành, các địa phương tiếp tục phát huy những kết quả đạt được; thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng an ninh năm 2022; bám sát tình hình thực tế để có phương án quản lý, điều hành cho phù hợp, tập trung vào các nhiệm vụ trọng tâm như:

1. Các cơ quan, đơn vị phải có sự phối hợp chặt chẽ hơn nữa để giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc trong quá trình sản xuất, giúp hoạt động kinh doanh phát triển bền vững, tạo môi trường thuận lợi để thu hút đầu tư.

2. Thường xuyên nắm bắt và giải quyết hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện nghĩa vụ thuế với nhà nước; tập trung nghiên cứu các chính sách thuế, các nguồn lực thực tế tại địa phương nhằm tìm ra các nguồn thu mới để tăng cường cho ngân sách địa phương; quản lý, khai thác tốt các khoản thu chưa đạt trong thời gian trước đây, như thu từ đất đai, khai thác khoáng sản; tiếp tục phối hợp với các ngành có liên quan tham mưu cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý dứt điểm số nợ tiền thuê đất của các công ty lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh và đã được cơ quan chuyên môn cấp trên hướng dẫn.

3. Cơ quan Hải quan phối hợp với các Sở, Ban, ngành đề vận động các doanh nghiệp có hoạt động xuất khẩu và các dự án đầu tư có nhập khẩu thiết bị, máy móc trên địa bàn làm thủ tục Hải quan tại Chi cục cửa khẩu BuPrăng.

4. Quản lý chi NSNN chặt chẽ, theo dự toán, đúng quy định của Luật NSNN, Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền. Cần tập trung thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội quan trọng, đảm bảo quốc phòng - an ninh và chính sách an sinh, xã hội trên địa bàn:

- Đẩy nhanh tiến độ chi ngân sách, khẩn trương hoàn tất các thủ tục, chứng từ để giải ngân đối với các chương trình, dự án, các gói mua sắm đã được bố trí kinh phí; tập trung chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ được giao, đề cao trách nhiệm cá nhân đối với người đứng đầu đơn vị.

Thường xuyên cập nhật thông tin giải ngân các dự án đầu tư; đôn đốc các chủ đầu tư và Ban quản lý dự án đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án; rà soát, tham mưu xử lý đối với các cơ quan, đơn vị được giao vốn nhưng chậm triển khai thực hiện. Kịp thời nắm bắt những khó khăn, vướng mắc trong công tác giải ngân, trường hợp không thể phối hợp giải quyết, kịp thời báo cáo với cơ quan có thẩm quyền để chỉ đạo thực hiện.

Chủ động tham mưu cơ quan có thẩm quyền quyết định điều chuyển vốn các công trình, nhiệm vụ không có khả năng giải ngân hết để bổ sung cho các công trình, nhiệm vụ quan trọng, cần đẩy nhanh tiến độ, đã có quyết định phê

duyet quyết toán, có khối lượng hoàn thành. Đối với các dự án, chương trình sử dụng vốn ODA, kịp thời tham mưu bố trí nguồn đối ứng để thanh toán.

- Rà soát các chế độ, chính sách an sinh xã hội, nhất là các khoản chi cho con người để đảm bảo chi đúng đối tượng và thời gian theo quy định; chủ động sử dụng nguồn NSDP và ngân sách cấp trên hỗ trợ (nếu có) để thực hiện các chính sách an sinh xã hội đã ban hành, không để phát sinh tình trạng chậm, muộn, nợ chế độ, chính sách trên địa bàn; đồng thời, chủ động sử dụng dự phòng và nguồn lực tại chỗ để chi phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, các nhiệm vụ cấp thiết phát sinh theo quy định.

4. Tiếp tục thực hiện rà soát, sắp xếp lại, xử lý tài sản công theo đúng quy định. Yêu cầu các cấp, các ngành trong quá trình thực hiện cần xác định rõ phân cấp quản lý tài sản công, cơ quan tham mưu xử lý tài sản công và cơ quan phê duyệt phương án xử lý tài sản công. Không kiến nghị vượt cấp đối với những nội dung vướng mắc thuộc thẩm quyền xem xét, xử lý của cấp mình

5. Trong quản lý, điều hành ngân sách chủ động nắm bắt tình hình, đảm bảo cân đối ngân sách, bám sát hướng dẫn của cơ quan chuyên môn cấp trên trong việc bố trí nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch và các nhiệm vụ quan trọng, cấp bách khác.

Trên đây là Báo cáo đánh giá bổ sung kết quả thực hiện NSNN năm 2021; tình hình thu - chi NSNN 06 tháng đầu năm và các giải pháp chủ yếu thực hiện nhiệm vụ ngân sách 06 tháng cuối năm 2022, kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban KTNS - HĐND tỉnh;
- Các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục Thuế tỉnh;
- Cục Hải quan tỉnh Đắc Lắc;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



*Lê Văn Chiến*  
**Lê Văn Chiến**

SỐ LIỆU THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK NÔNG

(Kèm theo Báo cáo số 391/BC-UBND ngày 08/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Năm 2021			Năm 2022			So sánh (%)			
		Trung ương (Bộ Tài chính) giao	Địa phương (HDND tỉnh) giao	Thực hiện	Trung ương giao	Địa phương giao	ƯTH 6 tháng đầu năm	TH 2021/ DT 2021 TW giao	TH 2021/ DT 2021 ĐP giao	ƯTH 6 tháng 2022/ DT 2022 TW giao	ƯTH 6 tháng 2022/ DT 2022 ĐP giao
A	B	1	2	3	4	5	6	7=3/1	8=3/2	9=6/4	10=6/5
	<b>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN (I+II+III)</b>	<b>2.344.200</b>	<b>2.750.000</b>	<b>3.516.529</b>	<b>2.583.000</b>	<b>3.000.000</b>	<b>1.935.869</b>	<b>150</b>	<b>128</b>	<b>75</b>	<b>65</b>
<b>I</b>	<b>Thu nội địa</b>	<b>2.234.200</b>	<b>2.640.000</b>	<b>2.893.666</b>	<b>2.420.000</b>	<b>2.837.000</b>	<b>1.846.934</b>	<b>130</b>	<b>110</b>	<b>76</b>	<b>65</b>
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do Trung ương quản lý	529.600	588.780	510.748	414.000	436.000	251.264	96	87	61	58
-	Thuế giá trị gia tăng	244.600	259.110	183.152	157.000	157.000	79.535	75	71	51	51
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	15.000	15.920	14.515	3.000	6.000	12.321	97	91	411	205
-	Thuế tài nguyên	270.000	313.750	313.081	254.000	273.000	159.408	116	100	63	58
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý	22.000	22.000	20.121	19.000	19.000	11.482	91	91	60	60
-	Thuế giá trị gia tăng	12.700	12.700	12.783	12.300	12.300	5.755	101	101	47	47
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.900	8.900	6.829	6.300	6.300	5.589	77	77	89	89
-	Thuế tài nguyên	400	400	508	400	400	138	127	127	34	34
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	35.000	73.900	142.076	65.000	82.000	60.900	406	192	94	74
-	Thuế giá trị gia tăng	1.000	5.000	62.406	1.300	11.300	30.471	6.241	1.248	2.344	270
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	34.000	68.900	79.668	63.700	70.700	30.428	234	116	48	43
-	Thuế tài nguyên			2			1				
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	550.000	619.570	683.158	628.000	643.000	313.031	124	110	50	49
-	Thuế giá trị gia tăng	383.900	434.340	465.994	458.000	458.000	215.919	121	107	47	47
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	42.000	44.700	64.489	44.000	44.000	48.424	154	144	110	110
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	2.100	2.120	812	1.000	1.000	344	39	38	34	34
-	Thuế tài nguyên	122.000	138.410	151.862	125.000	140.000	48.344	124	110	39	35
5	Thuế thu nhập cá nhân	115.000	118.350	238.960	174.000	183.200	285.316	208	202	164	156
6	Thuế bảo vệ môi trường	159.500	160.000	156.550	165.000	165.000	101.779	98	98	62	62
-	Thuế BVMT thu từ hàng hóa sản xuất, kinh doanh trong nước	59.000	59.520	58.236	79.200	79.200	52.925	99	98	67	67
-	Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu	100.500	100.480	98.313	85.800	85.800	48.854	98	98	57	57
7	Lệ phí trước bạ	105.000	105.000	180.726	152.000	154.000	172.370	172	172	113	112
8	Phi, lệ phí	179.700	192.300	186.293	185.000	185.000	101.387	104	97	55	55
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp			45			10				
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	200	200	593	300	300	250	296	296	83	83
11	Thu tiền thuê đất, mặt nước	20.200	139.900	24.437	29.700	109.500	12.000	121	17	40	11
12	Thu tiền sử dụng đất	375.000	450.000	518.990	380.000	650.000	450.000	138	115	118	69
	Trong đó: Thu từ dự án do tỉnh quy hoạch, đầu tư xây dựng hoặc quản lý		130.000	62.941		265.000	90.000		48		34
13	Thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước										
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (kể cả hoạt động xổ số điện toán)	23.000	23.000	24.164	28.000	28.000	13.538	105	105	48	48
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	50.000	52.000	102.504	90.000	90.000	31.559	205	197	35	35
-	Giấy phép Trung ương cấp	35.600	42.700	79.878	50.000	74.700	23.910	224	187	48	32
-	Giấy phép Ủy ban nhân dân tỉnh cấp	14.400	9.300	22.626	40.000	15.300	7.650	157	243	19	50
16	Thu khác ngân sách	70.000	95.000	104.147	90.000	92.000	41.790	149	110	46	45
-	Thu khác NSTW	45.000	57.000	35.153	50.000	50.000	17.106	78	62	34	34
-	Thu khác ngân sách cấp tỉnh		25.390	41.916		23.600	14.598		165		62
-	Thu khác ngân sách huyện, xã		12.610	27.078		18.400	10.086		215		55
17	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác										
18	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận, sau thuế, chênh lệch thu, chi NHNN			156			258				
<b>II</b>	<b>Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu</b>	<b>110.000</b>	<b>110.000</b>	<b>607.966</b>	<b>163.000</b>	<b>163.000</b>	<b>83.118</b>	<b>553</b>	<b>553</b>	<b>51</b>	<b>51</b>
<b>III</b>	<b>Thu từ huy động, đóng góp</b>			<b>14.897</b>			<b>5.816</b>				



SỐ LIỆU CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Báo cáo số 291/BC-UBND ngày 08/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	Dự toán năm 2021	Thực hiện năm 2021	Dự toán năm 2022	ƯTH 6 tháng đầu năm 2022	So sánh (%)	
						TH 2021/DT 2021	ƯTH 6 tháng/DT 2022
A	B	1	2	3	4	5	6
	<b>TỔNG CỘNG</b>	7.063.777	9.909.534	7.834.815	3.924.069	140	50
<b>1</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	2.028.833	2.214.638	2.757.017	1.843.724	109	67
a	Chi đầu tư phát triển cho CT, Dự án	1.938.833	2.113.442	2.588.517	1.776.888	109	69
b	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật		5.000				
c	Chi đầu tư phát triển khác (trích lập Quỹ phát triển đất và đo đạc, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, lập hồ sơ địa chính)	90.000	96.196	168.500	66.836	107	40
<b>2</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	4.672.836	4.789.665	4.842.922	2.071.954	103	43
	<i>Trong đó:</i>						
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	1.969.560	1.955.826	2.035.037	874.022	99	43
-	Chi khoa học và công nghệ	16.165	13.397	16.628	12.019	83	72
<b>3</b>	<b>Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay</b>	1.300	1.300	3.150	1.575	100	50
<b>4</b>	<b>Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính</b>	1.000	1.000	1.000	1.000	100	100
<b>5</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>	111.773		129.226		0	0
<b>6</b>	<b>Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương</b>	248.035	394.288	101.500		159	0
<b>7</b>	<b>Chi hoàn trả ngân sách cấp trên</b>		247.546				
<b>8</b>	<b>Chi chuyển nguồn</b>		2.246.200				
<b>9</b>	<b>Chi từ nguồn huy động đóng góp</b>		14.897		5.816		

TỔNG HỢP KINH PHÍ TRUNG ƯƠNG BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU  
PHÁT SINH TRONG NĂM 2021

(Kèm theo Báo cáo số 391/BC-UBND, ngày 08/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Số bổ sung	Số đã phân bổ	Ghi chú
	<b>TỔNG CỘNG:</b>	<b>142.692</b>	<b>100.709</b>	
<b>1</b>	<b>Kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026</b>	<b>14.778</b>	<b>14.778</b>	
-	Thành phố Gia Nghĩa		1.153	
-	Huyện Cư Jút		2.135	
-	Huyện Krông Nô		1.377	
-	Huyện Đắk Song		1.048	
-	Huyện Đắk Mil		1.510	
-	Huyện Đắk R'lấp		1.575	
-	Huyện Tuy Đức		1.484	
-	Huyện Đắk Glong		1.321	
-	Bổ sung cho các huyện, thành phố thực hiện công tác phòng chống dịch Covid-19 (hoàn nguồn cho ngân sách địa phương do trong năm đã chủ động sử dụng nguồn ngân sách địa phương để đảm bảo)		3.175	
<b>2</b>	<b>Kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu giáo dục vùng núi, vùng Dân tộc thiểu số, vùng khó khăn 2016-2020 thực hiện trong 2021</b>	<b>8.900</b>	<b>8.900</b>	
-	Sở Giáo dục và Đào tạo		8.900	
<b>3</b>	<b>Kinh phí thường xuyên thực hiện Chương trình mục tiêu xây dựng nông thôn mới 2021</b>	<b>12.631</b>	<b>12.631</b>	
-	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh		200	
-	Công an tỉnh		300	
-	Văn phòng Điều phối nông thôn mới		301	
-	Thành phố Gia Nghĩa		700	
-	Huyện Cư Jút		2.180	
-	Huyện Krông Nô		2.150	
-	Huyện Đắk Mil		1.800	
-	Huyện Đắk Song		1.200	
-	Huyện Đắk R'lấp		800	
-	Huyện Đắk Glong		1.500	
-	Huyện Tuy Đức		1.500	
<b>4</b>	<b>Kinh phí chi cho công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19</b>	<b>29.200</b>	<b>29.200</b>	
-	Thành phố Gia Nghĩa		981	
-	Huyện Cư Jút		3.354	
-	Huyện Krông Nô		920	
-	Huyện Đắk Mil		4.684	
-	Huyện Đắk Song		2.853	
-	Huyện Đắk R'lấp		3.890	
-	Huyện Đắk Glong		8.464	
-	Huyện Tuy Đức		4.054	
<b>5</b>	<b>Kinh phí sự nghiệp môi trường của ngân sách trung ương đợt 2</b>	<b>27.000</b>	<b>27.000</b>	
-	Sở Tài nguyên và Môi trường		27.000	
<b>6</b>	<b>Kinh phí bảo vệ và phát triển rừng năm 2021 (thuộc Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững)</b>	<b>4.900</b>	<b>1.464</b>	Phân bổ không hết do đã hết đối tượng thụ hưởng theo quy định.
-	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		1.464	
<b>7</b>	<b>Kinh phí thực hiện phòng, chống thiên tai, dịch bệnh phát sinh trong năm 2020 trên địa bàn</b>	<b>6.736</b>	<b>6.736</b>	



STT	Nội dung	Số bổ sung	Số đã phân bổ	Ghi chú
-	Huyện Cư Jút		888	
-	Huyện Đắk Mil		165	
-	Huyện Đắk Song		143	
-	Huyện Đắk R'lấp		79	
-	Hoàn trả số đã tạm sử dụng từ Quỹ dự trữ tài chính để chi cho công tác phòng chống dịch năm 2021 (hoàn nguồn cho ngân sách địa phương do trong năm đã chủ động sử dụng nguồn ngân sách địa phương để đảm bảo)		5.462	
8	Kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và Chương trình mục tiêu giáo dục nghề nghiệp - việc làm và an toàn lao động	8.260	0	
9	Bổ sung dự toán cho các Hội Văn học nghệ thuật địa phương, hỗ trợ tác phẩm báo chí chất lượng cao ở Hội Nhà báo địa phương	287	0	Thực hiện chuyển nguồn sang năm 2022
10	Kinh phí hỗ trợ khẩn cấp khắc phục hậu quả thiên tai năm 2021	30.000	0	

*(Handwritten mark)*



TỔNG HỢP BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU PHÁT SINH TRONG NĂM 2021 TỪ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH CHO CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ

(Kèm theo Báo cáo số 32M /BC-UBND, ngày 08 /7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Huyện/Thành phố							Tổng dự toán	
		Gia Nghĩa	Cư Jút	Krông Nô	Đắk Mil	Đắk Song	Đắk R'Lấp	Đắk Glong		Tuy Đức
	<b>Tổng Cộng</b>	<b>21.221</b>	<b>29.714</b>	<b>21.005</b>	<b>27.862</b>	<b>18.007</b>	<b>46.222</b>	<b>30.558</b>	<b>19.357</b>	<b>213.945</b>
<b>I</b>	<b>Chỉ đầu tư phát triển</b>	<b>700</b>	<b>2.180</b>	<b>2.150</b>	<b>1.800</b>	<b>1.200</b>	<b>22.889</b>	<b>1.500</b>	<b>1.500</b>	<b>33.919</b>
1	Kinh phí đền bù, giải phóng mặt bằng Khu Công nghiệp Nhân Cơ (thu hồi ứng trước)						22.089			22.089
2	Kinh phí thực hiện CTMTQG xây dựng nông thôn mới năm 2021	700	2.180	2.150	1.800	1.200	800	1.500	1.500	11.830
<b>II</b>	<b>Chi sự nghiệp</b>	<b>20.521</b>	<b>27.534</b>	<b>18.855</b>	<b>26.062</b>	<b>16.807</b>	<b>23.333</b>	<b>29.058</b>	<b>17.857</b>	<b>180.026</b>
1	Kinh phí mua xe ô tô phục vụ công tác		1.100	1.100				1.100		3.300
2	Kinh phí phục vụ bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp Nhiệm kỳ 2021-2026	1.153	2.835	1.377	1.510	1.048	1.575	1.321	1.484	12.303
3	Kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội	1.374	4.205	2.120	2.881	3.183	4.816	5.394	4.634	28.607
-	<i>Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ lãi suất theo Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 11/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh (kéo dài thời hạn áp dụng Nghị quyết số 43/2014/NQ-HĐND)</i>	1.000	200	540	400	1.300	2.158	2.990	3.000	11.588
-	<i>Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ học sinh, sinh viên DTTS thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 11/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh (kéo dài thời hạn Nghị quyết số 31/2016/NQ-HĐND)</i>	140	1.600		845	588	238	477	1.165	5.053
-	<i>Kinh phí thực hiện một số chế độ, chính sách đối với Phó chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã theo Nghị quyết số 16/2020/NQ-HĐND ngày 11/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh (bãi bỏ quy định tại khoản 1, Điều 1, Nghị quyết số 47/2019/NQ-HĐND)</i>	66	427	196	260	260	364	295	162	2.030
-	<i>Kinh phí thực hiện chính sách ASXH năm 2020 (phần chênh lệch thiếu giữa số thực hiện và số kinh phí đã bố trí trong năm 2020): chính sách trợ giúp đối với đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định số 136/2013/NĐ-CP và mua BHYT cho cựu chiến binh, thanh niên xung phong, đối tượng tham gia kháng chiến Lào, Campuchia; chính sách hỗ trợ cho học sinh và trường phổ thông theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP; chính sách hỗ trợ nghệ nhân ưu tú có thu nhập thấp, hoàn cảnh khó khăn theo Nghị định số 109/2015/NĐ-CP và chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội</i>	168	1.978	1.384	1.376	1.035	2.056	1.632	307	9.936
4	Hỗ trợ sự nghiệp giáo dục và đào tạo năm 2021	3.000	3.500	4.000	3.500	3.500	3.500	4.000	4.000	29.000
5	Hỗ trợ thanh toán kinh phí làm thêm giờ năm 2020-2021 cho giáo viên							4.000		4.000
6	Kinh phí phòng, chống dịch Covid-19	2.500	2.500	1.500	2.000	1.500	2.698			12.698
7	Kinh phí phòng, chống dịch Covid-19 theo Nghị quyết 16/NQ-CP, 17/NQ-CP, 37/NQ-CP	981	3.354	920	4.684	2.853	3.890	8.464	4.054	29.200
8	Kinh phí phòng, chống dịch Covid-19 theo Nghị quyết 68/NQ-CP	6.750	4.104	6.846	8.419	2.112	2.513	1.998	1.392	34.134
9	Kinh phí phòng, chống dịch tả lợn Châu Phi năm 2020	28	888	42	193	143	79	17	32	1.421
10	Kinh phí sửa chữa khu cách ly tập trung phòng, chống dịch Covid-19						1.500			1.500
11	Hỗ trợ sửa chữa cấp bách các công trình thủy lợi		2.550		1.500	1.500	1.500	1.500		8.550

TỔNG HỢP CHI CHUYỂN NGUỒN NGÂN SÁCH CẤP TỈNH NĂM 2021 SANG NĂM 2022  
(Kèm theo Báo cáo số 29/BC-UBND ngày 08/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị: Đồng

STT	Chủ đầu tư/Dự án	Tổng cộng	Vốn thường xuyên			Vốn đầu tư			Các nguồn đang theo dõi tại ngân sách tỉnh
			Tổng	Số dự toán	Số dự tạm ứng	Tổng	Số dự tạm ứng	Số dự toán	
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.419.622.148.231</b>	<b>29.755.693.006</b>	<b>15.272.403.442</b>	<b>14.483.289.564</b>	<b>692.792.455.225</b>	<b>688.142.761.439</b>	<b>4.649.693.786</b>	<b>697.074.000.000</b>
1	Sở Giao thông Vận tải tỉnh Đắk Nông	2.434.316.000				2.434.316.000	2.434.316.000		
1.1	Nguồn vốn khác (mã nguồn 49)	2.434.316.000				2.434.316.000	2.434.316.000		
-	Đường Bắc - Nam giai đoạn 2	2.434.316.000				2.434.316.000	2.434.316.000		
2	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông	184.657.452	10.882.993	10.882.993		173.774.459	173.774.459		
2.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	10.882.993	10.882.993	10.882.993					
2.2	Cần đổi ngân sách địa phương (mã nguồn 42)	173.774.459				173.774.459	173.774.459		
-	Lập nhiệm vụ Quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2045	173.774.459				173.774.459	173.774.459		
3	Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Đắk Nông	23.295.089.936	333.621.766	333.621.766		22.961.468.170	22.961.468.170		
3.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	333.621.766	333.621.766	333.621.766					
a	Ban Quản lý vườn Quốc gia Tà Đùng	5.000	5.000	5.000					
b	Ban Quản lý vườn rừng phòng hộ Đắk Rmăng	85.293.332	85.293.332	85.293.332					
c	Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	30.253.819	30.253.819	30.253.819					
d	Ban Quản lý vườn rừng phòng hộ Gia Nghĩa	210.688.257	210.688.257	210.688.257					
e	Ban Quản lý vườn rừng phòng hộ vành đai Biên giới	671.799	671.799	671.799					
f	BQL khu nông nghiệp và ứng dụng công nghệ cao	6.709.559	6.709.559	6.709.559					
3.2	Nguồn vốn Trung ương hỗ trợ có mục tiêu (mã nguồn 43)	70.792.000				70.792.000	70.792.000		
-	Dự án cấp bách sắp xếp ổn định dân cư tự do, ổn định an ninh chính trị khu vực biên giới xã Quảng Trục và xã Đắk Ngo, huyện Tuy Đức	70.792.000				70.792.000	70.792.000		
3.3	Nguồn vốn ODA NSTW bổ sung cho NSDP (mã nguồn 53)	22.129.058.670				22.129.058.670	22.129.058.670		
-	Dự án chuyển đổi nông nghiệp bền vững tại Việt Nam (dự án I/NSai) tỉnh Đắk Nông	17.813.226.170				17.813.226.170	17.813.226.170		
-	Sửa chữa và Nâng cao an toàn đập (WB8), tỉnh Đắk Nông	4.315.832.500				4.315.832.500	4.315.832.500		
3.4	Nguồn vốn vay ngoài nước của Chính phủ cho NSDP vay lại (mã nguồn 54)	761.617.500				761.617.500	761.617.500		
-	Sửa chữa và Nâng cao an toàn đập (WB8), tỉnh Đắk Nông	761.617.500				761.617.500	761.617.500		
4	Sở Tài nguyên và Môi trường	4.948.545.204	190.368.768	190.368.768		4.758.176.436	3.892.872.700	865.303.736	
4.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	190.368.768	190.368.768	190.368.768					
4.2	Cần đổi ngân sách địa phương (mã nguồn 42)	4.758.176.436				4.758.176.436	3.892.872.700	865.303.736	
-	Xây dựng Trụ sở và kho lưu trữ Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đắk Nông	4.758.176.436				4.758.176.436	3.892.872.700	865.303.736	
5	Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh	168.000.000				168.000.000	168.000.000		
5.1	Cần đổi ngân sách địa phương (mã nguồn 42)	168.000.000				168.000.000	168.000.000		
-	Xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Đắk Nông	168.000.000				168.000.000	168.000.000		
6	Sở Văn hóa – Thể thao và Du lịch tỉnh Đắk Nông	409.280.420	667.995	667.995		408.612.425	314.414.847	94.197.578	
6.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	667.995	667.995	667.995					
a	Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh	667.995	667.995	667.995					
6.2	Cần đổi ngân sách địa phương (mã nguồn 42)	354.700.425				354.700.425	260.502.847	94.197.578	
-	Bảo tàng tỉnh Đắk Nông	82.341.000				82.341.000	82.341.000		
-	Chống xuống cấp tu bổ di tích địa điểm lưu niệm NTrang Gùh, xã Buon Choah, huyện Krông Nô; Hàng mục: Nhà Bia tưởng niệm và hạ tầng kỹ thuật	272.359.425				272.359.425	178.161.847	94.197.578	
6.3	Nguồn vốn Trung ương hỗ trợ có mục tiêu (mã nguồn 43)	53.912.000				53.912.000	53.912.000		
-	Nhà in tỉnh Đắk Nông	19.801.000				19.801.000	19.801.000		
-	Hệ thống cấp điện thuộc dự án Quy hoạch khu du lịch Sinh thái - Văn hóa - Lịch sử Năm Nung, xã Năm Nung, huyện Đắk Song	10.180.000				10.180.000	10.180.000		
-	Di tích căn cứ kháng chiến B4-liên tỉnh (1959-1975) Năm Nung	23.931.000				23.931.000	23.931.000		
7	Sở Xây dựng tỉnh Đắk Nông	3.437.066.000	2.500.000	2.500.000		3.434.566.000	3.434.566.000		
7.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	2.500.000	2.500.000	2.500.000					
7.2	Cần đổi ngân sách địa phương (mã nguồn 42)	38.106.000				38.106.000	38.106.000		
-	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Sở Xây dựng tỉnh Đắk Nông	38.106.000				38.106.000	38.106.000		
7.3	Nguồn vốn Trung ương hỗ trợ có mục tiêu (mã nguồn 43)	3.336.460.000				3.336.460.000	3.336.460.000		
-	Đường Đám B'ri và các trục giao thông khu số 5, Sùng Đức, thị xã Gia Nghĩa	3.336.460.000				3.336.460.000	3.336.460.000		
7.4	Nguồn thu tiền sử dụng đất (mã nguồn 44)	60.000.000				60.000.000	60.000.000		
-	Dự án kết nối các trục đường khu đô thị số 4 thị xã Gia nghĩa	60.000.000				60.000.000	60.000.000		
8	Sở Y tế tỉnh Đắk Nông	15.288.815.428	9.448.244.817	2.856.744.817	6.591.500.000	5.840.570.611	5.840.570.611		
8.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	60.672.817	60.672.817	60.672.817					
a	Văn phòng Sở Y tế	39.977.817	39.977.817	39.977.817					
b	Trung tâm Y tế huyện Đắk Glông	20.695.000	20.695.000	20.695.000					
8.2	Kinh phí mua sắm trang thiết bị hợp đồng trước ngày 31/12	9.387.572.000	9.387.572.000	2.796.072.000	6.591.500.000				
-	Kinh phí hoạt động phòng chống dịch bệnh Covid-19 (Gói thầu: Mua sắm hệ thống xử lý rác thải lây nhiễm, nguy hại tại BVĐK tỉnh và các trung tâm Y tế các huyện/thành phố, khu điều trị cách ly của tỉnh)	3.140.000.000	3.140.000.000		3.140.000.000				
-	Kinh phí mua sắm trang thiết bị y tế chuyển dùng phục vụ công tác khám chữa bệnh (Gói thầu: Mua sắm Trang thiết bị y tế tập trung cho các cơ sở y tế công lập năm 2021)	6.247.572.000	6.247.572.000	2.796.072.000	3.451.500.000				
8.3	Nguồn thu xổ số kiến thiết (mã nguồn 45)	5.840.570.611				5.840.570.611	5.840.570.611		
-	Nhà Đa khoa Kỹ thuật thuộc Trung tâm Y tế huyện Đắk R'Lấp	5.840.570.611				5.840.570.611	5.840.570.611		
9	Tỉnh đoàn Đắk Nông	2.204.031.000				2.204.031.000	2.204.031.000		
9.1	Nguồn thu tiền sử dụng đất (mã nguồn 44)	2.204.031.000				2.204.031.000	2.204.031.000		
-	Công viên hoa Thanh niên và Khu vui chơi, giải trí thanh thiếu nhi tỉnh Đắk Nông	2.204.031.000				2.204.031.000	2.204.031.000		
10	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	217.590.000				217.590.000	217.590.000		
10.1	Cần đổi ngân sách địa phương (mã nguồn 42)	217.590.000				217.590.000	217.590.000		
-	Đầu tư hệ thống thiết bị sản xuất, phát sóng chương trình phát thanh, hệ thống thiết bị và phần mềm truyền thông hội tụ	217.590.000				217.590.000	217.590.000		
11	Trung tâm đo đạc và tư vấn TN-MT	57.873.000				57.873.000	57.873.000		
11.1	Nguồn vốn Trung ương hỗ trợ có mục tiêu (mã nguồn 43)	57.873.000				57.873.000	57.873.000		
-	Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án: Xây dựng Trụ sở đoàn địa chất 704, khu dân cư Sùng Đức	10.682.000				10.682.000	10.682.000		
-	Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án: Xây dựng Nhà in Đắk Nông, Khu dân cư Sùng Đức	17.191.000				17.191.000	17.191.000		

STT	Chủ đầu tư/Dự án	Tổng cộng	Vốn thường xuyên			Vốn đầu tư			Các nguồn đang theo dõi tại ngân sách tỉnh
			Tổng	Số dự toán	Số dự tạm ứng	Tổng	Số dự tạm ứng	Số dự toán	
	Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án: Khu dân cư Sùng Đức 131,5 ha (Địa điểm: Tổ dân phố 2-phường Nghĩa Tân-thị xã Gia Nghĩa)	30.000.000				30.000.000	30.000.000		
<b>12</b>	<b>Trường chính trị tỉnh Đắk Nông</b>	<b>1.478.880.000</b>				<b>1.478.880.000</b>	<b>1.478.880.000</b>		
12.1	Cần đổi ngân sách địa phương (mã nguồn 42)	1.321.880.000				1.321.880.000	1.321.880.000		
-	Trường chính trị tỉnh Đắk Nông	1.321.880.000				1.321.880.000	1.321.880.000		
12.2	Nguồn vốn Trung ương hỗ trợ có mục tiêu (mã nguồn 43)	157.000.000				157.000.000	157.000.000		
-	Trường chính trị tỉnh Đắk Nông	157.000.000				157.000.000	157.000.000		
<b>13</b>	<b>Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh Đắk Nông</b>	<b>149.496.000</b>				<b>149.496.000</b>	<b>149.496.000</b>		
13.1	Cần đổi ngân sách địa phương (mã nguồn 42)	149.496.000				149.496.000	149.496.000		
-	Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa đường vào đồn Biên phòng Đắk Dang (769)	16.643.000				16.643.000	16.643.000		
-	Cải tạo, sửa chữa trụ sở cơ quan Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh Đắk Nông	132.853.000				132.853.000	132.853.000		
<b>14</b>	<b>Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Nông</b>	<b>1.956.972.000</b>				<b>1.956.972.000</b>	<b>1.956.972.000</b>		
14.1	Cần đổi ngân sách địa phương (mã nguồn 42)	1.956.972.000				1.956.972.000	1.956.972.000		
-	Chốt chiến đấu Dân quân thường trực tại xã biên giới Thuận An, huyện Đắk Mil	956.972.000				956.972.000	956.972.000		
-	Chốt chiến đấu Dân quân thường trực tại xã biên giới Đắk Lao, huyện Đắk Mil	1.000.000.000				1.000.000.000	1.000.000.000		
<b>15</b>	<b>Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Đắk Nông</b>	<b>33.955.563.470</b>				<b>33.955.563.470</b>	<b>32.878.533.370</b>	<b>1.077.030.100</b>	
15.1	Cần đổi ngân sách địa phương (mã nguồn 42)	11.451.837.900				11.451.837.900	10.899.057.000	552.780.900	
-	Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nước từ các công trình thủy lợi trên địa bàn huyện Đắk Mil tỉnh Đắk Nông	3.682.415.000				3.682.415.000	3.682.415.000		
-	Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nước từ các công trình thủy lợi trên địa bàn huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông	2.971.336.000				2.971.336.000	2.938.475.000	32.861.000	
-	Hồ chứa nước Đắk N'Tinh, tỉnh Đắk Nông	4.798.086.900				4.798.086.900	4.278.167.000	519.919.900	
15.2	Nguồn vốn Trung ương hỗ trợ có mục tiêu (mã nguồn 43)	21.572.204.370				21.572.204.370	21.572.204.370		
-	Di dân phát triển kinh tế - xã hội khu vực biên giới huyện Tuy Đức	53.550.000				53.550.000	53.550.000		
-	Ổn định dân di cư tự do xã Quảng Phú, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông	19.467.000				19.467.000	19.467.000		
-	Ổn định dân di cư tự do xã Đắk N'Drót, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông	19.448.000				19.448.000	19.448.000		
-	Kê bảo vệ dân cư và vùng trọng điểm sản xuất lương thực dọc sông Krông Nô	17.101.039.800				17.101.039.800	17.101.039.800		
-	Ổn định dân cư biên giới xã Quảng Trục, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông (giai đoạn 2)	2.009.984.570				2.009.984.570	2.009.984.570		
-	Kê bảo vệ dân cư và vùng trọng điểm sản xuất lương thực dọc sông Krông Nô (Giai đoạn 2)	2.368.715.000				2.368.715.000	2.368.715.000		
15.3	Nguồn vốn ODA NSTW bổ sung cho NSDP (mã nguồn 53)	325.817.600				325.817.600	325.817.600		
-	Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nước từ các công trình thủy lợi trên địa bàn huyện Đắk Mil tỉnh Đắk Nông	186.018.400				186.018.400	186.018.400		
-	Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nước từ các công trình thủy lợi trên địa bàn huyện Cư Jút tỉnh Đắk Nông	139.799.200				139.799.200	139.799.200		
15.4	Nguồn vốn vay ngoài nước của Chính phủ cho NSDP vay lại (mã nguồn 54)	605.703.600				605.703.600	81.454.400	524.249.200	
-	Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nước từ các công trình thủy lợi trên địa bàn huyện Đắk Mil tỉnh Đắk Nông	428.303.600				428.303.600	46.504.600	381.799.000	
-	Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nước từ các công trình thủy lợi trên địa bàn huyện Cư Jút tỉnh Đắk Nông	177.400.000				177.400.000	34.949.800	142.450.200	
<b>16</b>	<b>Ban quản lý dự án giao thông, dân dụng, công nghiệp</b>	<b>97.458.449.699</b>				<b>97.458.449.699</b>	<b>97.458.449.699</b>		
16.1	Cần đổi ngân sách địa phương (mã nguồn 42)	66.151.203.195				66.151.203.195	66.151.203.195		
-	Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh Đắk Nông	995.834.900				995.834.900	995.834.900		
-	Trường cao đẳng công nghệ tỉnh Đắk Nông	317.763.000				317.763.000	317.763.000		
-	Khu liên hợp Bảo tàng, Thư viện và công viên tỉnh Đắk Nông	50.523.269.295				50.523.269.295	50.523.269.295		
-	Nâng cấp, sửa chữa đường tỉnh lộ 1	96.736.000				96.736.000	96.736.000		
-	Đường giao thông từ thôn 1 vào vùng đồng bào dân tộc Mông thôn Năm Tầng, xã Đắk R'la, huyện Đắk Mil đến xã Cư Knia, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông	7.281.979.000				7.281.979.000	7.281.979.000		
-	Hạ tầng kỹ thuật kết nối khu vực đồi Đắk Nur	6.935.621.000				6.935.621.000	6.935.621.000		
16.2	Nguồn Trái phiếu Chính phủ (mã nguồn 42)	12.294.511.000				12.294.511.000	12.294.511.000		
-	Hồ Gia Nghĩa, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông	12.294.511.000				12.294.511.000	12.294.511.000		
16.2	Nguồn vốn Trung ương hỗ trợ có mục tiêu (mã nguồn 43)	15.356.108.100				15.356.108.100	15.356.108.100		
-	Hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu trung tâm hành chính thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông	223.403.000				223.403.000	223.403.000		
-	Trụ sở làm việc Đoàn ca múa nhạc Dân tộc tỉnh Đắk Nông	982.401.000				982.401.000	982.401.000		
-	Đường Dao Nghĩa-Quảng Khê, tỉnh Đắk Nông	903.609.100				903.609.100	903.609.100		
-	Cơ sở hạ tầng kỹ thuật bên trong và bên ngoài hàng rào Khu Công nghiệp Nhân Cơ	600.718.000				600.718.000	600.718.000		
-	Trường cao đẳng công nghệ tỉnh Đắk Nông	363.927.000				363.927.000	363.927.000		
-	Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh Đắk Nông	7.881.136.000				7.881.136.000	7.881.136.000		
-	Dự án Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới - Tiểu dự án tỉnh Đắk Nông	3.831.232.000				3.831.232.000	3.831.232.000		
-	Nâng cấp Bệnh viện đa khoa tỉnh Đắk Nông	569.682.000				569.682.000	569.682.000		
16.3	Nguồn thu tiền sử dụng đất (mã nguồn 44)	3.006.652.000				3.006.652.000	3.006.652.000		
-	Trường cao đẳng công nghệ tỉnh Đắk Nông (giai đoạn I)	3.006.652.000				3.006.652.000	3.006.652.000		
16.4	Nguồn vốn ODA NSTW bổ sung cho NSDP (mã nguồn 53)	519.980.324				519.980.324	519.980.324		
-	Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới	519.980.324				519.980.324	519.980.324		
16.5	Nguồn vốn vay ngoài nước của Chính phủ cho NSDP vay lại (mã nguồn 54)	129.995.080				129.995.080	129.995.080		
-	Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới	129.995.080				129.995.080	129.995.080		
<b>17</b>	<b>UBMTTQ huyện Tuy Đức</b>	<b>22.506.000</b>				<b>22.506.000</b>	<b>22.506.000</b>		
17.1	Nguồn vốn Trung ương hỗ trợ có mục tiêu (mã nguồn 43)	22.506.000				22.506.000	22.506.000		
-	Trụ sở làm việc Khối Một trên các Đoàn thể huyện Tuy Đức	22.506.000				22.506.000	22.506.000		
<b>18</b>	<b>UBND TP.Gia Nghĩa</b>	<b>23.841.819.000</b>				<b>23.841.819.000</b>	<b>23.841.819.000</b>		
18.1	Nguồn vốn Trung ương hỗ trợ có mục tiêu (mã nguồn 43)	12.958.277.000				12.958.277.000	12.958.277.000		
-	Trường Trung học cơ sở Trần Phú, thị xã Gia Nghĩa	82.056.000				82.056.000	82.056.000		
-	Hạ tầng công viên Hồ Thiên Nga, phường Nghĩa Thành, thị xã Gia Nghĩa	7.238.330.000				7.238.330.000	7.238.330.000		
-	Đường từ dân phố 2 phường Nghĩa Tân (đoạn từ đường Quang Trung đến Trần Hưng Đạo)	1.103.595.000				1.103.595.000	1.103.595.000		
-	Đường Y Bih Alêô, thị xã Gia Nghĩa	646.432.000				646.432.000	646.432.000		
-	Đường từ Lý Thái Tổ đến khu tái định cư B (giai đoạn I), đồi Đắk Nur, phường Nghĩa Đức, thị xã Gia Nghĩa	2.691.581.000				2.691.581.000	2.691.581.000		
-	Dự án ổn định dân di cư tự do xã Quảng Thành, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nôn	438.115.000				438.115.000	438.115.000		

STT	Chủ đầu tư/Dự án	Tổng cộng	Vốn thường xuyên			Vốn đầu tư			Các nguồn đang theo dõi tại ngân sách tỉnh
			Tổng	Số dự toán	Số dự tạm ứng	Tổng	Số dự tạm ứng	Số dự toán	
-	Đường giao thông Quốc lộ 28 vào khu du lịch sinh thái, văn hóa kết hợp công viên vui chơi giải trí Liêng Nung	758.168.000				758.168.000	758.168.000		
18.2	Nguồn thu tiền sử dụng đất (mã nguồn 44)	10.883.542.000				10.883.542.000	10.883.542.000		
-	Hạ tầng công viên Hồ Thiên Nga, phường Nghĩa Thành, thị xã Gia Nghĩa	10.883.542.000				10.883.542.000	10.883.542.000		
19	<b>Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Cư Jút</b>	<b>52.525.821.000</b>				<b>52.525.821.000</b>	<b>52.525.821.000</b>		
19.1	Cần đổi ngân sách địa phương (mã nguồn 42)	22.188.042.000				22.188.042.000	22.188.042.000		
-	Đường giao thông xã Nam Đông đi Đắk D rông - Đắk Wil	10.500.000.000				10.500.000.000	10.500.000.000		
-	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường giao thông từ Ngã tư Phan Chu Trinh vào xã Nam Đông; Hàng mục: Nền, mặt đường, hệ thống thoát nước, điện chiếu sáng	6.738.042.000				6.738.042.000	6.738.042.000		
-	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông liên xã Tâm Thũng - Ea Ting; Hàng mục: Nền, mặt đường, hệ thống thoát nước, điện chiếu sáng	4.950.000.000				4.950.000.000	4.950.000.000		
19.2	Nguồn vốn Trung ương hỗ trợ có mục tiêu (mã nguồn 43)	30.313.868.000				30.313.868.000	30.313.868.000		
-	Đường vào xã Ea Pô, huyện Cư Jút	30.313.868.000				30.313.868.000	30.313.868.000		
19.3	Nguồn vốn ODA NSTW bổ sung cho NSDP (mã nguồn 53)	21.254.220				21.254.220	21.254.220		
-	Dự án cải tạo, nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước xã Nam Đông	21.254.220				21.254.220	21.254.220		
19.4	Nguồn vốn vay ngoài nước của Chính phủ cho NSDP vay lại (mã nguồn 54)	2.656.780				2.656.780	2.656.780		
-	Dự án cải tạo, nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước xã Nam Đông	2.656.780				2.656.780	2.656.780		
20	<b>Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Đắk Glong</b>	<b>13.318.463.500</b>				<b>13.318.463.500</b>	<b>13.318.463.500</b>		
20.1	Cần đổi ngân sách địa phương (mã nguồn 42)	3.854.457.600				3.854.457.600	3.854.457.600		
-	Đường nối dài từ thôn 10 xã Quảng Hòa đi Quảng Sơn	1.335.244.000				1.335.244.000	1.335.244.000		
-	Đường giao thông từ Quốc lộ 28 nối đường liên xã Quảng Khê - Đắk Ha	1.684.391.000				1.684.391.000	1.684.391.000		
-	Tru sở làm việc HEND-UBND xã Đắk Som	708.032.600				708.032.600	708.032.600		
-	Điểm dừng chân công viên địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông	126.790.000				126.790.000	126.790.000		
20.2	Nguồn vốn Trung ương hỗ trợ có mục tiêu (mã nguồn 43)	9.464.005.900				9.464.005.900	9.464.005.900		
-	Các trục đường khu trung tâm Hành chính huyện Đắk Glong	9.464.005.900				9.464.005.900	9.464.005.900		
21	<b>Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Đắk Mil</b>	<b>39.755.717.000</b>				<b>39.755.717.000</b>	<b>39.755.717.000</b>		
21.1	Cần đổi ngân sách địa phương (mã nguồn 42)	11.293.965.000				11.293.965.000	11.293.965.000		
-	Đường giao thông liên xã Đắk R'la đi xã Đắk N'Drót huyện Đắk Mil	6.625.216.000				6.625.216.000	6.625.216.000		
-	Đường giao thông từ cầu khẩu Đắk Per, xã Thuận An đi Tỉnh lộ 3 (ĐT.683) xã Đức Minh, huyện Đắk Mil (Giai đoạn 1)	4.668.749.000				4.668.749.000	4.668.749.000		
21.2	Nguồn vốn Trung ương hỗ trợ có mục tiêu (mã nguồn 43)	27.351.752.000				27.351.752.000	27.351.752.000		
-	Nâng cấp các trục đường giao thông chính thị trấn Đắk Mil	15.617.612.000				15.617.612.000	15.617.612.000		
-	Hố Đắk Klo Oa, xã Đắk Lao	11.734.140.000				11.734.140.000	11.734.140.000		
21.3	Nguồn vốn ODA NSTW bổ sung cho NSDP (mã nguồn 53)	986.666.667				986.666.667	986.666.667		
-	Mở rộng công trình cấp nước thị trấn Đắk Mil, huyện Đắk Mil	986.666.667				986.666.667	986.666.667		
21.4	Nguồn vốn vay ngoài nước của Chính phủ cho NSDP vay lại (mã nguồn 54)	123.333.333				123.333.333	123.333.333		
-	Mở rộng công trình cấp nước thị trấn Đắk Mil, huyện Đắk Mil	123.333.333				123.333.333	123.333.333		
22	<b>Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất TP.Gia Nghĩa</b>	<b>304.681.790.000</b>				<b>304.681.790.000</b>	<b>304.681.790.000</b>		
22.1	Cần đổi ngân sách địa phương (mã nguồn 42)	44.698.403.000				44.698.403.000	44.698.403.000		
-	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Tài Thành, thị xã Gia Nghĩa	11.793.000				11.793.000	11.793.000		
-	Đường Tô Hiến Thành (kéo dài) nối khu Trung tâm thị xã Gia Nghĩa đến đường Quang Trung	10.077.269.000				10.077.269.000	10.077.269.000		
-	Nâng cấp, mở rộng đường Lê Thành Tông, thành phố Gia Nghĩa	9.800.725.000				9.800.725.000	9.800.725.000		
-	Hội trường đa năng và phòng họp trực tuyến thuộc trụ sở làm việc HEND & UBND thành phố Gia Nghĩa	783.167.000				783.167.000	783.167.000		
-	Di dời, tái định cư cho 212 hộ dân ở khu vực trung tâm thị xã Gia Nghĩa	24.025.449.000				24.025.449.000	24.025.449.000		
22.2	Nguồn vốn Trung ương hỗ trợ có mục tiêu (mã nguồn 43)	97.641.883.000				97.641.883.000	97.641.883.000		
-	Đường bờ Tây Hồ trung tâm	95.189.035.000				95.189.035.000	95.189.035.000		
-	Tiểu dự án giải phóng mặt bằng, Khu tái định cư phía Đông Hồ trung tâm và đường D2 thuộc dự án: Hồ Gia Nghĩa, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông	1.918.348.000				1.918.348.000	1.918.348.000		
-	Kê taluy đường vào khu dân cư Bộ đội biên phòng tỉnh Đắk Nông	304.850.000				304.850.000	304.850.000		
-	Tường chắn taluy đường giao thông đối ngoại thuộc dự án ổn định dân di cư tự do phường Quảng Thành, thành phố Gia Nghĩa	229.650.000				229.650.000	229.650.000		
22.3	Nguồn Trái phiếu Chính phủ (mã nguồn 42)	148.634.025.000				148.634.025.000	148.634.025.000		
-	Tiểu DA GPMB - Khu tái định cư phía đông hồ Trung tâm và đường D2 thuộc DA: Hồ Gia Nghĩa	148.634.025.000				148.634.025.000	148.634.025.000		
22.4	Nguồn thu tiền sử dụng đất (mã nguồn 44)	13.707.479.000				13.707.479.000	13.707.479.000		
-	Đường bờ Đông hồ Trung tâm	2.250.701.000				2.250.701.000	2.250.701.000		
-	Đường bờ Tây hồ trung tâm	11.456.778.000				11.456.778.000	11.456.778.000		
23	<b>Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Đắk Song</b>	<b>24.657.340.000</b>				<b>24.657.340.000</b>	<b>24.657.340.000</b>		
23.1	Cần đổi ngân sách địa phương (mã nguồn 42)	7.800.788.000				7.800.788.000	7.800.788.000		
-	Nâng cấp các tuyến đường giao thông thị trấn Đức An kết nối với xã Nam Bình huyện Đắk Song	7.800.788.000				7.800.788.000	7.800.788.000		
23.2	Nguồn vốn Trung ương hỗ trợ có mục tiêu (mã nguồn 43)	16.856.552.000				16.856.552.000	16.856.552.000		
-	Đường vành đai phía Đông huyện Đắk Song	15.353.928.000				15.353.928.000	15.353.928.000		
-	Cầu thôn 7 xã Đắk N'Drưng, huyện Đắk Song	1.502.624.000				1.502.624.000	1.502.624.000		
24	<b>Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Đắk R'Lấp</b>	<b>42.910.143.083</b>				<b>42.910.143.083</b>	<b>42.910.143.083</b>		
24.1	Cần đổi ngân sách địa phương (mã nguồn 42)	8.770.672.000				8.770.672.000	8.770.672.000		
-	Đường giao thông liên xã Quảng Tín - Đắk Ngo huyện Tuy Đức	3.188.422.000				3.188.422.000	3.188.422.000		
-	Nâng cấp, mở rộng đường Lê Hữu Trác thị trấn Kiến Đức đi xã Quảng Tâm, huyện Tuy Đức	5.582.250.000				5.582.250.000	5.582.250.000		
24.2	Nguồn vốn Trung ương hỗ trợ có mục tiêu (mã nguồn 43)	34.139.471.083				34.139.471.083	34.139.471.083		
-	Đường Giao thông từ Thị trấn Kiến Đức đi liên xã Kiến Thành - Nhân Cơ - Nhân Đạo	34.087.871.083				34.087.871.083	34.087.871.083		
-	Nâng cấp công trình thủy lợi thôn 12, xã Nhân Cơ	51.600.000				51.600.000	51.600.000		
25	<b>Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Krông Nô</b>	<b>607.000.000</b>				<b>607.000.000</b>	<b>607.000.000</b>		
25.1	Cần đổi ngân sách địa phương (mã nguồn 42)	607.000.000				607.000.000	607.000.000		
-	Đường giao thông từ xã Đắk Drô đi xã Năm Nung, huyện Krông Nô (DH59)	607.000.000				607.000.000	607.000.000		

STT	Chủ đầu tư/Dự án	Tổng cộng	Vốn thường xuyên			Vốn đầu tư			Các nguồn đang theo dõi tại ngân sách tỉnh
			Tổng	Số dự toán	Số dự tạm ứng	Tổng	Số dự tạm ứng	Số dự toán	
26	<b>Ban Quản lý dự án và phát triển quỹ đất huyện Tuy Đức</b>	<b>9.772.255.000</b>				<b>9.772.255.000</b>	<b>9.772.255.000</b>		
26.1	Cân đối ngân sách địa phương (mã nguồn 42)	8.615.197.000				8.615.197.000	8.615.197.000		
-	Đường giao thông liên xã Quảng Tân đi xã Đắk Ngo, huyện Tuy Đức (ĐH 91 TD) Hm: Xây dựng mìn cầu nhịp 9m và đầu tư xây dựng 4.5km đường.	191.238.000				191.238.000	191.238.000		
-	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường giao thông liên xã Đắk R Tih và Quảng Tân, huyện Tuy Đức đi xã Đắk Wer, huyện Đắk R'lấp	4.140.066.000				4.140.066.000	4.140.066.000		
-	Tuyến đường giao thông liên xã Đắk R'nh đi xã Đắk Ngo, huyện Tuy Đức (đoạn từ cầu Suối Đắk R'lấp đầu nối với đường vào xã Đắk Ngo)	3.755.146.000				3.755.146.000	3.755.146.000		
-	Trụ sở làm việc HDND-UBND xã Đắk R'nh; HM: Xây mới Nhà làm việc tổ một cửa, Nâng cấp, sửa chữa nhà làm việc công an xã, nhà xe, nhà vệ sinh, Hạ tầng kỹ thuật và trang thiết bị	528.747.000				528.747.000	528.747.000		
26.2	Nguồn vốn Trung ương hỗ trợ có mục tiêu (mã nguồn 43)	1.157.058.000				1.157.058.000	1.157.058.000		
-	Công trình: Đường và cầu qua suối Đắk R Tằng, xã Quảng Tân, huyện Tuy Đức	1.157.058.000				1.157.058.000	1.157.058.000		
27	<b>Hạt kiểm lâm huyện Đắk Glong</b>	<b>428.099.000</b>				<b>428.099.000</b>	<b>428.099.000</b>		
27.1	Nguồn vốn Trung ương hỗ trợ có mục tiêu (mã nguồn 43)	428.099.000				428.099.000	428.099.000		
-	Hồ sơ thiết kế, dự toán trồng rừng tập trung, trồng rừng phân tán theo Quyết định 38/2016/QĐ-TTg, của các hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư năm 2017 trên địa bàn huyện Đắk Glong.	428.099.000				428.099.000	428.099.000		
28	<b>Văn phòng Tỉnh ủy Đắk Nông</b>	<b>1.701.215</b>	<b>1.701.215</b>	<b>1.701.215</b>					
28.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	1.701.215	1.701.215	1.701.215					
29	<b>Sứ Nội vụ</b>	<b>79.000.000</b>	<b>79.000.000</b>	<b>79.000.000</b>					
29.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	79.000.000	79.000.000	79.000.000					
30	<b>Sứ Giáo dục và Đào tạo</b>	<b>1.605.541.468</b>	<b>1.605.541.468</b>	<b>1.605.541.468</b>					
30.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	1.605.541.468	1.605.541.468	1.605.541.468					
a	Văn phòng Sở Giáo dục và Đào tạo	328.224.513	328.224.513	328.224.513					
b	Trường THPT huyện Krông Nô	30.950.673	30.950.673	30.950.673					
c	Trường phổ thông DTNT THCS&THPT huyện Krông Nô	295.066.598	295.066.598	295.066.598					
d	Trường THPT Trần Hưng Đạo huyện Đắk Mil	562.315	562.315	562.315					
e	Trường THPT Lương Thế Vinh huyện Đắk Song	1.064	1.064	1.064					
f	Trường THPT huyện Đắk Glong	351.289.277	351.289.277	351.289.277					
g	Trường phổ thông DTNT THCS&THPT huyện Tuy Đức	599.447.028	599.447.028	599.447.028					
31	<b>Ban an toàn giao thông</b>	<b>93.011.626</b>	<b>93.011.626</b>	<b>93.011.626</b>					
31.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	93.011.626	93.011.626	93.011.626					
32	<b>Sứ Công thương</b>	<b>41.839.200</b>	<b>41.839.200</b>	<b>41.839.200</b>					
32.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	41.839.200	41.839.200	41.839.200					
33	<b>Sứ Tài chính</b>	<b>13.057.960</b>	<b>13.057.960</b>	<b>13.057.960</b>					
33.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	13.057.960	13.057.960	13.057.960					
34	<b>Sứ Lao động - Thương binh và Xã hội</b>	<b>54.977.634</b>	<b>54.977.634</b>	<b>54.977.634</b>					
34.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	54.977.634	54.977.634	54.977.634					
a	Trung tâm Bảo trợ xã hội	54.977.634	54.977.634	54.977.634					
35	<b>Công ty TNHH MTV khai thác CTLĐ Đắk Nông</b>	<b>10.255.485.000</b>	<b>10.255.485.000</b>	<b>9.988.488.000</b>	<b>266.997.000</b>				
35.1	Các khoản dự toán được cấp có thẩm quyền bổ sung sau ngày 30/9 năm thực hiện dự toán	10.255.485.000	10.255.485.000	9.988.488.000	266.997.000				
-	Kinh phí sửa chữa cấp bách các công trình thủy lợi có nguy cơ mất an toàn cao và bị hư hỏng do mưa lũ (Quyết định số 1803/QĐ-UBND ngày 27/10/2021)	10.255.485.000	10.255.485.000	9.988.488.000	266.997.000				
+	Kênh tưới trạm bơm số 1A - Hệ thống trạm bơm Đắk Rền, xã năm N'Dr, huyện Krông Nô	869.927.000	869.927.000	847.588.000	22.339.000				
+	Hồ Xu Đăng (Đặng D'ri), xã Đắk N'Drung, huyện Đắk Song	2.538.247.000	2.538.247.000	2.472.551.000	65.696.000				
+	Hồ Xơ Re, xã Đắk N'Drung, huyện Đắk Song	1.431.963.000	1.431.963.000	1.394.482.000	37.481.000				
+	Hồ Đắk Pin, xã Quảng Sơn, huyện Đắk Glong	2.155.200.000	2.155.200.000	2.097.212.000	57.988.000				
+	Hồ Ea Nung, xã Đắk Ha, huyện Đắk Glong	2.271.446.000	2.271.446.000	2.210.958.000	60.488.000				
+	Hồ tiêu khu 839, xã Đắk Wil, huyện Cư Jút	988.702.000	988.702.000	965.697.000	23.005.000				
36	<b>Sứ Khoa học và Công nghệ</b>	<b>7.624.792.564</b>	<b>7.624.792.564</b>	<b>7.624.792.564</b>					
36.1	Kinh phí nghiên cứu khoa học	7.624.792.564	7.624.792.564	7.624.792.564					
-	Nghiên cứu một số loại cây trồng và biện pháp kỹ thuật canh tác phù hợp trên đất sau khai thác bauxite tỉnh Đắk Nông	281.727.200	281.727.200		281.727.200				
-	Tạo lập và quản lý chi dẫn địa lý cho Đắk Song cho sản phẩm hồ tiêu của tỉnh Đắk Nông	583.222.700	583.222.700		583.222.700				
-	Nghiên cứu 1 số biện pháp kỹ thuật bảo quản bơ sau thu hoạch	141.486.000	141.486.000		141.486.000				
-	Mô hình không gian thực tế ảo và sản phẩm công nghệ 3D phục vụ bảo tồn hệ thống hang động núi lửa và phát triển du lịch bền vững tỉnh Đắk Nông	331.667.000	331.667.000		331.667.000				
-	Chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội nông thôn, miền núi vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2025	255.000.000	255.000.000		255.000.000				
-	Liên kết chuỗi trị trị hình thành sản phẩm du lịch cộng đồng gắn với giảm nghèo trên địa bàn tỉnh Đắk Nông	523.990.000	523.990.000		523.990.000				
-	Nghiên cứu và đề xuất giải pháp bồi dưỡng kỹ năng tư vấn tâm lý cho giáo viên chủ nhiệm trường trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh Đắk Nông	206.200.000	206.200.000		206.200.000				
-	Điều tra, đánh giá và xây dựng mô hình sản xuất Xoài, Bơ, Sầu riêng an toàn theo chuỗi giá trị hướng tới xuất khẩu trên địa bàn tỉnh Đắk Nông	518.907.000	518.907.000		518.907.000				
-	Xây dựng mô hình trồng cây Sâm cau (Curculigo orchoides) làm nguyên liệu để sản xuất thực phẩm chức năng tại tỉnh Đắk Nông	350.058.400	350.058.400		350.058.400				
-	Nghiên cứu ứng dụng công nghệ Nano trong canh tác cây Bơ tại tỉnh Đắk Nông	355.820.000	355.820.000		355.820.000				
-	Đề xuất chính sách, giải pháp thúc đẩy phát triển các hình thức hợp tác, liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm từ cây dược liệu của tỉnh Đắk Nông theo chuỗi giá trị	300.981.000	300.981.000		300.981.000				
-	Đánh giá khả năng sinh trưởng, phát triển và chống chịu của cây hồ tiêu mới cấy mô trên đồng ruộng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông	178.962.000	178.962.000		178.962.000				
-	Nghiên cứu ứng dụng công nghệ lên men nhằm tăng hiệu quả trích ly dầu tạo 1 số sản phẩm mỹ phẩm từ thịt quả bơ trồng tại tỉnh Đắk Nông	350.000.000	350.000.000		350.000.000				
-	Nghiên cứu xây dựng mô hình Phát triển du lịch cộng đồng gắn với giá trị đặc trưng của công viên địa chất toàn cầu tỉnh Đắk Nông	18.599.000	18.599.000		18.599.000				



STT	Chủ đầu tư/Dự án	Tổng cộng	Vốn thường xuyên			Vốn đầu tư			Các nguồn đang theo dõi tại ngân sách tỉnh
			Tổng	Số dự toán	Số dự tạm ứng	Tổng	Số dự tạm ứng	Số dự toán	
-	Điều tra phân bố xây dựng mô hình nhân giống trồng thử nghiệm cây mít nhân tại Đắk Nông và nghiên cứu chế phẩm phối hợp giữa mít nhân và sắn cau	400.000.000	400.000.000		400.000.000				
-	Nghiên cứu tạo sản phẩm hỗ trợ giảm cân từ hạt cà phê xanh và phụ phẩm của quá trình chế biến cà phê nâng cao giá trị kinh tế tăng thu nhập trong sản xuất cà phê ở tỉnh Đắk Nông	200.000.000	200.000.000		200.000.000				
-	Nâng cao năng lực quản lý của cán bộ công chức người dân tộc thiểu số chính quyền cấp huyện xã của tỉnh Đắk Nông đáp ứng tình hình mới	35.600	35.600		35.600				
-	Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ xây dựng mô hình sản xuất một số loại hoa có giá trị cao tại tỉnh Đắk Nông	608.114.000	608.114.000		608.114.000				
-	Nghiên cứu hoàn thiện công nghệ sản xuất 1 số sản phẩm rượu đặc trưng tỉnh Đắk Nông	400.000.000	400.000.000		400.000.000				
-	Nghiên cứu xây dựng hệ thống thông tin giá đất cho thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông	400.000.000	400.000.000		400.000.000				
-	Nghiên cứu phát triển đa dạng hóa sản phẩm thực phẩm từ quả bơ, quả nhàu Đắk Nông	722.000.000	722.000.000		722.000.000				
-	Nghiên cứu xây dựng chương trình khoa học công nghệ phát triển sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2030 định hướng đến năm 2045	243.000.000	243.000.000		243.000.000				
-	Nghiên cứu mô hình phát triển cây dược liệu đặc Hữu huê đã là nhỏ ( <i>Peliosanthes micrantha</i> ) dưới tán rừng tạo sản phẩm bảo vệ sức khỏe tại huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông	255.022.664	255.022.664		255.022.664				
<b>37</b>	<b>Ban quản lý tiểu dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WBS)</b>	<b>2.613.162.372</b>				<b>2.613.162.372</b>		<b>2.613.162.372</b>	
37.1	Nguồn vốn vay ngoài nước của Chính phủ cho NSDP vay lại (mã nguồn 54)	392.124.372				392.124.372		392.124.372	
-	Sửa chữa và Nâng cao an toàn đập (WBS), tỉnh Đắk Nông	392.124.372				392.124.372		392.124.372	
37.2	Nguồn vốn ODA NSTW bổ sung cho NSDP (mã nguồn 53)	2.221.038.000				2.221.038.000		2.221.038.000	
-	Sửa chữa và Nâng cao an toàn đập (WBS), tỉnh Đắk Nông	2.221.038.000				2.221.038.000		2.221.038.000	
<b>38</b>	<b>Nguồn thực hiện cải cách tiền lương chưa sử dụng hết</b>	<b>658.527.000.000</b>						<b>658.527.000.000</b>	
<b>39</b>	<b>Nguồn ngân sách trung ương bổ sung cho ngân sách địa phương sau 30/9 mà chưa phân bổ cho đơn vị</b>	<b>38.547.000.000</b>						<b>38.547.000.000</b>	
-	Bổ sung dự toán năm 2021 thực hiện Chương trình mục tiêu giảm nghèo bền vững và Chương trình mục tiêu giáo dục nghề nghiệp - việc làm và an toàn lao động (Công văn số 14819/BTC-NSNN ngày 27/12/2021 của Bộ Tài chính)	8.260.000.000						8.260.000.000	
-	Hỗ trợ khẩn cấp khắc phục hậu quả thiên tai năm 2021 (Công văn số 15204/BTC-NSNN ngày 31/12/2021 của Bộ Tài chính)	30.000.000.000						30.000.000.000	
-	Bổ sung dự toán năm 2021 cho các Hội Văn học nghệ thuật địa phương, hỗ trợ tác phẩm báo chí chất lượng cao ở Hội Nhà báo địa phương (Công văn số 15284/BTC-NSNN ngày 31/12/2021 của Bộ Tài chính)	287.000.000						287.000.000	

